



LỜI MỞ ĐẦU

Trường Đại học Tôn Đức Thắng (TDTU) trân trọng gửi lời chào mừng đến Quý phụ huynh và các bạn Tân sinh viên!

Xin chúc mừng các Tân sinh viên trúng tuyển và chuẩn bị nhập học vào TDTU!

Cám ơn Quý vị đã tin tưởng và lựa chọn TDTU!

Với nguyên tắc hoạt động “*Hiệu quả, công bằng, ổn định*” và triết lý hoạt động “*Chất lượng và tin cậy*”, TDTU luôn hướng tới một môi trường đào tạo chuẩn mực quốc tế, đào tạo nhân lực trình độ đại học chất lượng cao, đảm bảo sinh viên tốt nghiệp có việc làm trong vòng 12 tháng.

TDTU rất mong Quý vị phụ huynh và các bạn tân sinh viên tìm hiểu các thông tin, quy định, quy chế, văn hóa TDTU trước khi làm thủ tục nhập học.

NỘI DUNG	Trang
1. Triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn, chính sách chất lượng, mục tiêu, văn hóa, nguyên tắc ứng xử.	2
2. Đại học Tôn Đức Thắng trên bản đồ giáo dục thế giới	3
3. Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra (Tiếng Anh, Tin học...) + Chương trình tiêu chuẩn + Chương trình chất lượng cao + Chương trình đại học bằng tiếng Anh + Chương trình liên kết đào tạo quốc tế.	4
4. Chương trình giảng dạy tiếng Anh + Chương trình tiêu chuẩn + Chương trình chất lượng cao + Chương trình đại học bằng tiếng Anh + Chương trình liên kết đào tạo quốc tế. + Giới thiệu bài thi xếp lớp tiếng anh đầu khóa	7
5. Chính sách học phí năm học 2022-2023 A. Học phí + Chương trình tiêu chuẩn + Chương trình chất lượng cao + Chương trình đại học bằng tiếng Anh B. Quy định học phí	20
6. Quy định đào tạo trình độ đại học Thời gian hoạt động giảng dạy tại Trường	28
7. Trích nội dung quy chế công tác sinh viên	33
8. Chính sách học bổng, khen thưởng sinh viên năm học 2022-2023	38
9. Quy định về dạy – học tại TDTU	39
10. Quy định về việc cung cấp thông tin cho phụ huynh	40
11. Giấy xác nhận tìm hiểu “Những điều cần biết khi học tại TDTU”	41
12. Chương trình thạc sĩ dành cho sinh viên TDTU	42

Vui lòng truy cập <http://admission.tdtu.edu.vn> hoặc đăng nhập vào Cổng thông tin sinh viên qua tài khoản của sinh viên để tìm hiểu rõ hơn các nội dung trên.

Xin chúc Quý phụ huynh và Tân sinh viên nhiều sức khỏe và thành công!

Trân trọng!

PHẦN 1. SỨ MẠNG, TÂM NHÌN, CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG, VĂN HÓA, NGUYÊN TẮC ỨNG XỬ

SỨ MẠNG

Giáo dục, nghiên cứu và sáng tạo để phát triển nhân loại bền vững

TÂM NHÌN

Vì sự phát triển con người và một thế giới hòa bình, hạnh phúc

CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

1. Liên tục tuyển lựa kỹ và đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn, giảng viên, viên chức trung thành, có trình độ khoa học cao, chuyên nghiệp và trách nhiệm.
2. Phát triển ngày càng nhanh, chất lượng. Tập trung phát triển bền vững hoạt động giáo dục, khoa học-công nghệ; xây dựng tinh thần phụng sự; cam kết bảo đảm công tác kiểm định khách quan để tiêu chuẩn hóa tất cả đầu ra của TDTU.
3. Đầu tư lâu dài và liên tục về cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học bảo đảm sự hiện đại và liên tục cập nhật trong suốt quá trình hoạt động; bảo đảm trang bị - thiết bị ngày càng đầy đủ, chuyên sâu và kịp thời cho việc thực hiện các mục tiêu chất lượng trong giáo dục và nghiên cứu từng giai đoạn.
4. Truyền thông về TDTU trong nước và quốc tế; liên tục mở rộng quan hệ hợp tác với các đại học TOP 500 của Thế giới, TOP 60 của Châu Á để liên kết nghiên cứu, giáo dục; học tập kinh nghiệm quản lý hiện đại; tiếp cận những gì mới nhất về học thuật và thực tiễn; thực hiện chuyển giao công nghệ và khoa học; nâng chất lượng hoạt động của TDTU nhanh chóng lên chuẩn quốc tế về mọi phương diện. Chương trình và văn bằng các chương trình giáo dục đại học, sau đại học của TDTU được kiểm định, và công nhận bởi các tổ chức quốc tế.

VĂN HÓA

Chất lượng và sự tin cậy

NGUYÊN TẮC ỨNG XỬ

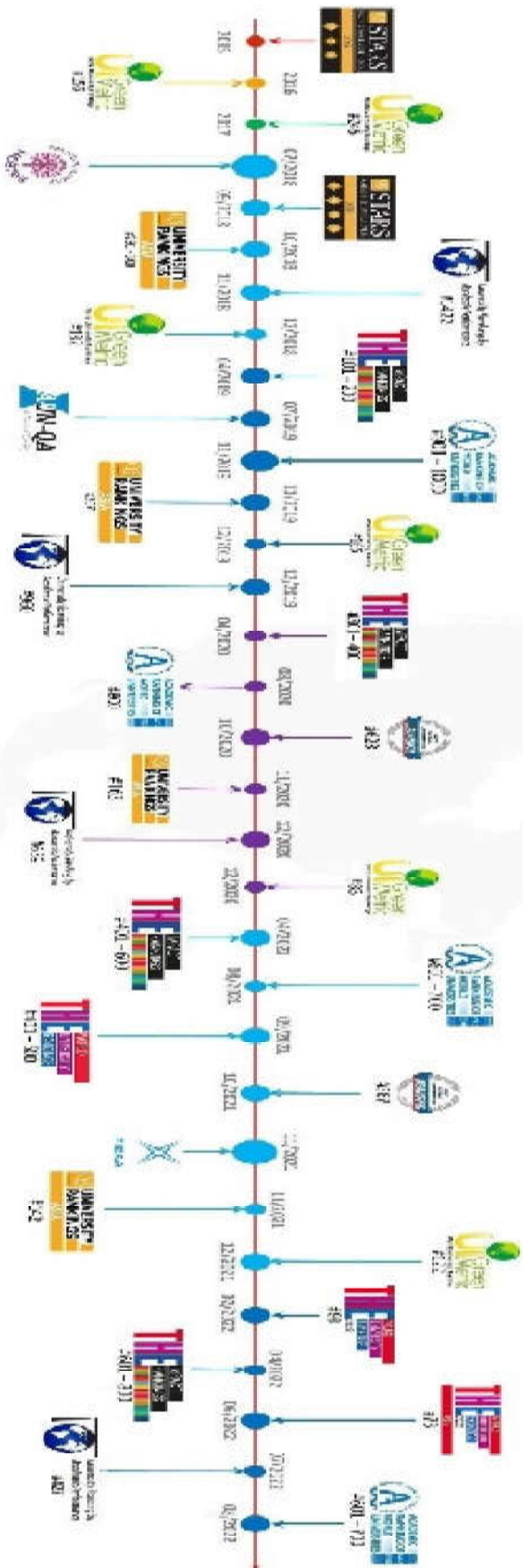
Công bằng, Hiệu quả, Phụng sự

NHIỆM VỤ THỰC HIỆN 3 NỘI DUNG ĐẠO ĐỨC

Giảng viên, viên chức nhà trường trong mọi thời điểm, có nhiệm vụ giáo dục sinh viên thực hiện đúng nội dung của Chương trình giáo dục 3 nội dung đạo đức; Sinh viên nhà trường có nhiệm vụ thực hiện tốt 3 nội dung sau đây:

1. Sinh viên cần nhận thức, hiểu rằng học tập tốt là nhiệm vụ, là lương tâm của người học; Phải liên tục phấn đấu, nỗ lực học trong mọi hoàn cảnh; Thực hiện đúng, hiệu quả cao những yêu cầu của thầy cô về chuyên môn; Hoàn thành kế hoạch học tập theo quy định; Luôn tích cực chủ động tự học, tự rèn luyện để đạt kết quả học tập với đa số điểm từ mức khá trở lên.
2. Sinh viên phải tập thói quen sống kỷ luật, nề nếp; Tại trường: tuân thủ kỷ cương, chấp hành mọi Quy định, qui chế của Nhà trường một cách tự giác và chủ động; Ngoài trường: là người tôn trọng pháp luật, thực hiện đúng các Quy định của pháp luật.
3. Sinh viên phải có tinh thần vì tập thể, đặt quyền lợi của số đông, của lớp, của trường trên lợi ích cá nhân mình; Sinh viên phải biết giữ uy tín cho lớp, cho trường; phải rèn luyện thói quen coi trọng tập thể lớp, trường và sau này là cơ quan làm việc. Nghiêm cấm mọi hành vi gây phương hại đến uy tín của tập thể lớp, trường xuất phát từ động cơ hoặc lợi ích cá nhân.

ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG TRÊN BẢN ĐỒ GIÁO DỤC THẾ GIỚI



PHẦN 3 - CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO – CHUẨN ĐẦU RA

A. CHƯƠNG TRÌNH TIÊU CHUẨN

Chương trình đào tạo trình độ Đại học tại TDTU được xây dựng theo tiêu chí kiểm định quốc tế như AUN-QA, FIBBA, ASIIN... Chương trình đào tạo xây dựng theo định hướng giúp sinh viên năng động, tự học và tiệm cận với mặt bằng đào tạo mới nhất trên thế giới, có hệ thống tài liệu học tập và tham khảo bằng tiếng Anh đầy đủ. Nội dung chương trình còn tăng cường hoạt động học nhóm, rèn luyện thói quen chủ động học tập, tư duy sáng tạo cho sinh viên để luôn chủ động và sẵn sàng cho những cơ hội phát triển.

Thời gian đào tạo: Chương trình giáo dục đại học cấp bằng Cử nhân có thời gian đào tạo là 4 năm, cấp bằng Kỹ sư, Kiến trúc sư, Dược sĩ thời gian đào tạo là 5 năm. Tuy nhiên chương trình được triển khai theo học chế tín chỉ nên sinh viên có thể điều chỉnh lộ trình đào tạo (ngắn hoặc dài hơn) cho phù hợp với năng lực và điều kiện của cá nhân.

Chuẩn đầu ra: Sinh viên tốt nghiệp phải đạt đủ chuẩn đầu ra mà Nhà trường đã công bố; SV phải đạt kỹ năng Tiếng Anh **trình độ B1 quốc tế** (chứng chỉ IELTS 5.0 hoặc chứng chỉ quốc tế khác tương đương) đối với các ngành cấp bằng Cử nhân, **trình độ B2 quốc tế** (chứng chỉ IELTS 5.5 hoặc chứng chỉ quốc tế khác tương đương) đối với các ngành cấp bằng Kỹ sư, Kiến trúc sư, Dược sĩ; kỹ năng tin học văn phòng: đạt chứng chỉ MOS **750 điểm/1000 điểm**); đạt các kỹ năng mềm theo chương trình đào tạo; sinh viên có tinh thần kỷ luật, ý thức tập thể, thái độ sẵn sàng; Kỹ năng thực hành chuyên môn phải đáp ứng được yêu cầu thực tế...

(Tham khảo thêm về chương trình đào tạo tiêu chuẩn <https://admission.tdtu.edu.vn/dai-hoc/chuong-trinh-day-hoc-bang-tieng-viet>)

B. CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO

Chương trình đào tạo chất lượng cao được rà soát và xây dựng theo các tiêu chuẩn kiểm định quốc tế, chương trình đào tạo được cập nhật cho phù hợp với tình hình phát triển của Việt Nam nói chung, nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động nói riêng. Bên cạnh đó, Nhà trường đặc biệt chú ý gắn kết lý thuyết với thực tiễn; kết hợp kiến thức chuyên môn với rèn luyện kỹ năng thực hành; chú trọng đến các kỹ năng mềm và thực tập doanh nghiệp. Trong suốt quá trình đào tạo, Khoa chuyên ngành thường xuyên mời các chuyên gia trong lĩnh vực đến trình bày chuyên đề, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn cũng như trao đổi trực tiếp với sinh viên về ngành nghề đào tạo.

Chương trình chất lượng cao được tổ chức đào tạo với nhiều tiêu chí khác biệt so với chương trình chuẩn về cơ sở vật chất, quy mô lớp; về lực lượng giảng viên chuyên gia giỏi; về phương pháp dạy – học; học kỳ ở nước ngoài; chứng chỉ nghề nghiệp; thực tập và kiến tập, ... Sinh viên được giảng dạy bằng ngôn ngữ tiếng Việt cho các môn chung, môn cơ bản, cơ sở ngành và giảng dạy bằng tiếng Anh cho các chuyên ngành.

Sinh viên tốt nghiệp đại học chương trình chất lượng cao phải đạt đủ chuẩn đầu ra mà Nhà trường đã công bố; trong đó kỹ năng Tiếng Anh đạt **trình độ B2 quốc tế** (tương đương chứng chỉ IELTS 5.5 hoặc chứng chỉ quốc tế khác tương đương); kỹ năng tin học văn phòng (chứng chỉ MOS 750 điểm/1000 điểm cho 3 kỹ năng Word, Excel, Powerpoint); đạt các kỹ năng mềm theo chương trình đào tạo; sinh viên có tinh thần kỷ luật, ý thức tập thể, thái độ sẵn sàng; Kỹ năng thực hành chuyên môn phải đáp ứng được yêu cầu thực tế...

(Tham khảo thêm về chương trình đào tạo chất lượng cao tại <https://admission.tdtu.edu.vn/dai-hoc/chuong-trinh-day-hoc-bang-tieng-viet-va-tieng-anh>)

C. CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC BẰNG TIẾNG ANH

Là chương trình giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh nhằm đào tạo công dân toàn cầu; có thể làm việc hoặc học tập lên cao hơn trên toàn thế giới ngay sau khi tốt nghiệp.

Đặc điểm Chương trình:

- **Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế với:** Kỹ năng thực hành chuyên môn cao, một số chương trình được hỗ trợ bằng các chứng chỉ nghề nghiệp quốc gia/quốc tế; Chứng chỉ tiếng Anh đạt từ IELTS 6.0 hoặc chứng chỉ quốc tế khác tương đương; Chứng chỉ tin học MOS đạt từ 750/1000 điểm với 3 ứng dụng Word, Excel, PowerPoint.

- Chương trình đào tạo **chuẩn quốc tế**; đội ngũ giảng viên là các GS, TS, ThS trong và ngoài nước có chuyên môn sâu và kinh nghiệm giảng dạy tốt; học tập kiến thức thực tế từ chuyên gia, doanh nhân thành đạt; Nhà trường đặc biệt chú ý gắn kết lý thuyết với thực tiễn; kết hợp kiến thức chuyên môn với rèn luyện kỹ năng thực hành; chú trọng đến các kỹ năng mềm và thực tập doanh nghiệp. Trong suốt quá trình đào tạo, Khoa chuyên ngành thường xuyên mời các chuyên gia trong lĩnh vực đến trình bày chuyên đề, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn cũng như trao đổi trực tiếp với sinh viên về ngành nghề đào tạo.

- **Quy mô lớp học, Cơ sở vật chất:** lớp học quy mô nhỏ (20-30 SV/lớp), phòng học, phòng thí nghiệm và phòng mô phỏng được đầu tư hiện đại, trong khuôn viên 30ha tại trung tâm TP.HCM – được UNESCO công nhận môi trường xanh, sạch, đẹp bậc nhất Việt Nam với 100% phòng học được trang bị máy lạnh.

- **Giảng viên, Phương pháp giảng dạy:** đội ngũ giảng viên có trình độ từ thạc sỹ trở lên, có kinh nghiệm giảng dạy, vững chuyên môn. Toàn bộ chương trình áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh, phát huy tư duy sáng tạo, lấy sinh viên làm trung tâm, truyền cảm hứng về ngành nghề cho người học.

- **Rèn luyện kỹ năng toàn diện** với chương trình đào tạo các **kỹ năng phát triển bền vững** trong thế kỷ 21.

- **Thực tập/kiến tập:** sinh viên được làm khóa luận tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của các GS, TS, ThS, chuyên gia uy tín trong và ngoài nước; được tham gia **Học kì nước ngoài** (Đài Loan, Hà Lan, Malaysia, Cộng Hòa Séc, Pháp...) từ 3-4 tháng; và/hoặc thực tập tại các tập đoàn, công ty đa quốc gia, công ty nước ngoài giúp SV vận dụng tốt lý thuyết và công việc thực tế.

- **Việc làm:** Nhà trường có liên kết với các doanh nghiệp, công ty trong và ngoài nước nên có thể hỗ trợ sinh viên trong vấn đề tìm chỗ thực tập và việc làm sau khi tốt nghiệp.

- **Dịch vụ hỗ trợ SV** chất lượng cao: **tiện ích hỗ trợ học, tự học tại Thư viện**; hệ thống **trợ giảng** theo dõi và hỗ trợ SV trong học tập; ưu tiên tham gia tất cả các **câu lạc bộ ngoại khóa** của khoa/trường; ưu tiên **giới thiệu việc làm** và **học bổng sau đại học**.

- Yêu cầu tiếng Anh đầu vào - Chương trình đại học bằng tiếng Anh

+ *Thí sinh nước ngoài* ở các nước có ngôn ngữ chính là tiếng Anh không yêu cầu Chứng chỉ tiếng Anh đầu vào quốc tế;

+ *Thí sinh Việt Nam và thí sinh ở các nước không có ngôn ngữ chính là tiếng Anh:* phải có Chứng chỉ IELTS **5.0** trở lên hoặc tương đương; hoặc phải dự thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu khóa bằng Hệ thống đánh giá năng lực tiếng Anh theo chuẩn quốc tế của TDTU để được xác nhận đủ điều kiện tiếng Anh theo học chương trình (trừ Ngành ngôn ngữ Anh).

Ngoại lệ:

+ Nếu tiếng Anh chưa đạt các chuẩn trên, *nhưng người học vẫn muốn học chương trình này*, thì phải chấp nhận “*chỉ được công nhận trúng tuyển*”, nhưng **chưa có quyết định nhập học**; và phải tham gia học bổ túc tiếng Anh tại TDTU cho đến khi đạt trình độ tương đương chuẩn nói trên để được “*quyết định nhập học và công nhận là sinh viên*”. Thời gian bổ túc có thể từ **nửa năm đến 1 năm** tùy năng lực đầu vào qua kết quả đánh giá đầu vào xếp lớp của TDTU.

+ Sau 01 năm học chương trình tiếng Anh tăng cường, nếu vẫn chưa đạt chuẩn tiếng Anh IELTS **5.0** hoặc tương đương; người học có thể thôi học hoặc có thể xin chuyển sang các chương trình chất lượng cao dạy-học bằng tiếng Việt và tiếng Anh, chương trình tiêu chuẩn dạy-học bằng tiếng Việt (*nếu vẫn bảo đảm được các tiêu chí tuyển sinh đầu vào tương ứng của các ngành/chương trình này*).

Trường hợp số lượng học viên đủ điều kiện nhập học học chính thức ít hơn sĩ số tối thiểu để mở lớp, người học được tư vấn để bảo lưu kết quả tuyển sinh, hoặc chuyển qua các ngành/ chương trình khác (nếu đáp ứng được tiêu chí tuyển đầu vào của ngành/chương trình đó).

D. CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ

Là chương trình giáo dục hợp tác giữa Đại học Tôn Đức Thắng (TDTU) với các đại học uy tín trên thế giới. Sinh viên sẽ học giai đoạn I từ 2-3 năm tại TDTU, thời gian còn lại (từ 1-2 năm) sinh viên được luân chuyển tới các Đại học uy tín nước ngoài như: Đại học West of England, Bristol (Vương quốc Anh); Đại học La Trobe (Úc); Đại học Khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan); Đại học Kinh tế và Kinh doanh Praha; Đại học Taylor's (Malaysia), Đại học Feng Chia, Đại học khoa học và công nghệ Lunghwa (Đài Loan).

Sinh viên có cơ hội nhận được bằng tốt nghiệp của Trường nước ngoài và nhận thêm bằng đại học do TDTU cấp nếu học chương trình song bằng.

Yêu cầu tiếng Anh đầu vào

Thí sinh phải đạt trình độ tiếng Anh đầu vào từ B2 trở lên hoặc tương đương để được công nhận trúng tuyển vào chương trình chính thức. Thí sinh có thể nộp chứng chỉ IELTS 5.5 hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương để xét tiếng Anh đầu vào; hoặc phải dự thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu khóa bằng Hệ thống đánh giá năng lực tiếng Anh theo chuẩn quốc tế của TDTU để được xác nhận đủ điều kiện tiếng Anh theo học chương trình.

Ngoại lệ

+ Nếu tiếng Anh chưa đạt chuẩn B2, *nhưng người học vẫn muốn học chương trình liên kết đào tạo quốc tế*, thì được xét vào chương trình dự bị tiếng Anh (liên kết quốc tế) và phải tham gia học bổ túc tiếng Anh tại TDTU cho đến khi đạt trình độ tương đương chuẩn nói trên để được “*quyết định nhập học và công nhận là sinh viên*”. Thời gian học tiếng Anh **tối đa là 2 năm** và tùy năng lực đầu vào qua kết quả đánh giá đầu vào xếp lớp của TDTU.

+ Sau thời gian học chương trình dự bị tiếng Anh, nếu vẫn chưa đạt chuẩn tiếng Anh trình độ B2 hoặc tương đương; người học phải thôi học hoặc có thể xin chuyển sang các chương trình khác (*nếu vẫn bảo đảm được các tiêu chí tuyển sinh đầu vào tương ứng của các ngành/chương trình này theo đúng năm tuyển sinh*).

Trường hợp số lượng học viên đủ điều kiện nhập học học chính thức ít hơn sĩ số tối thiểu để mở lớp, người học được tư vấn để bảo lưu kết quả tuyển sinh, hoặc chuyển qua các ngành/ chương trình khác (nếu đáp ứng được tiêu chí tuyển đầu vào của ngành/chương trình đó).

PHẦN 4- CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY TIẾNG ANH

A. TIẾNG ANH CHƯƠNG TRÌNH TIÊU CHUẨN:

1. Chuẩn đầu ra Tiếng Anh (trừ ngành Ngôn ngữ Anh):

a. *Chương trình cấp bằng Cử nhân*: điểm IELTS ≥ 5.0 hoặc các chứng chỉ/bảng điểm Tiếng Anh quốc tế khác còn thời hạn có giá trị tương đương theo Bảng 4.

b. *Chương trình cấp bằng Kỹ sư, Kiến trúc sư*: điểm IELTS ≥ 5.5 hoặc các chứng chỉ/bảng điểm Tiếng Anh quốc tế khác còn thời hạn có giá trị tương đương theo Bảng 5.

c. *Chương trình cấp bằng Dược sĩ*: điểm IELTS ≥ 5.5 hoặc các chứng chỉ/bảng điểm Tiếng Anh quốc tế khác còn thời hạn có giá trị tương đương theo Bảng 6.

2. Chương trình học Tiếng Anh:

a. *Chương trình cấp bằng cử nhân*: gồm 04 học phần tiếng Anh dự bị ngoài chương trình và 02 học phần tiếng Anh chính thức trong chương trình đào tạo theo Bảng 1.

b. *Chương trình cấp bằng Kỹ sư, Kiến trúc sư, Dược sĩ*: gồm 05 học phần tiếng Anh dự bị ngoài chương trình và 04 học phần tiếng Anh chính thức trong chương trình đào tạo theo Bảng 2.

c. *Chương trình cấp bằng Dược sĩ*: gồm 06 học phần tiếng Anh dự bị ngoài chương trình và 03 học phần tiếng Anh chính thức trong chương trình đào tạo theo Bảng 3.

d. Sinh viên năm nhất khi nhập học nếu không nộp các Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế như IELTS, TOEIC (4 kỹ năng), TOEFL iBT, Cambridge A2 Key/ B1 Preliminary/ B2 First/ C1 Advanced/ C2 Proficiency/ BEC Pre./ BEC Van, Cambridge Linguaskill, APTIS, PTE... còn thời hạn (với mức điểm quy định tại Bảng 1 - chương trình cấp bằng Cử nhân, Bảng 2 - chương trình cấp bằng Kỹ sư, Kiến trúc sư, Bảng 3 - chương trình Dược sĩ) phải tham gia kỳ thi đánh giá năng lực Tiếng Anh đầu vào.

e. Căn cứ vào kết quả thi đánh giá trình độ Tiếng Anh đầu vào và chứng chỉ/bảng điểm tiếng Anh quốc tế sinh viên nộp vào đầu khóa:

+ *Chương trình cấp bằng cử nhân*: sinh viên được xếp lớp dựa vào kết quả thi đánh giá trình độ tiếng Anh theo quy định ở Bảng 1 hoặc sinh viên nộp chứng chỉ/bảng điểm Tiếng Anh quốc tế theo Bảng 4 còn thời hạn giá trị đến thời điểm bắt đầu học Tiếng Anh tương ứng theo lộ trình đào tạo.

+ *Chương trình cấp bằng Kỹ sư, Kiến trúc sư*: sinh viên được xếp lớp dựa vào kết quả thi đánh giá trình độ tiếng Anh theo quy định ở Bảng 2 hoặc sinh viên nộp chứng chỉ/bảng điểm Tiếng Anh quốc tế theo Bảng 5 còn thời hạn giá trị đến thời điểm bắt đầu học Tiếng Anh tương ứng theo lộ trình đào tạo.

+ *Chương trình cấp bằng Dược sĩ*: sinh viên được xếp lớp dựa vào kết quả thi đánh giá trình độ tiếng Anh theo quy định ở Bảng 3 hoặc sinh viên nộp chứng chỉ/bảng điểm Tiếng Anh quốc tế theo Bảng 6 còn thời hạn giá trị đến thời điểm bắt đầu học Tiếng Anh tương ứng theo lộ trình đào tạo.

c. Sinh viên không tham dự kỳ thi đánh giá trình độ Tiếng Anh đầu vào và không nộp chứng chỉ/bảng điểm Tiếng Anh quốc tế khi làm thủ tục nhập học hoặc sinh viên có điểm thi đầu vào thấp hơn mức điểm học chương trình chính thức (Bảng 1 - chương trình cấp bằng Cử nhân, Bảng 2 - chương trình cấp bằng Kỹ sư, Kiến trúc sư, Bảng 3 - chương trình cấp bằng Dược sĩ), phải học bổ sung các học phần Tiếng Anh dự bị tập trung trước khi vào học Chương trình Tiếng Anh chính thức.

d. Sinh viên ở trình độ Tiếng Anh dự bị trở xuống, phải học Tiếng Anh tối thiểu 02 cấp lớp/học kỳ cho đến khi đảm bảo lộ trình chuẩn của chương trình.

e. Sinh viên chưa đạt học phần Tiếng Anh trong chương trình đào tạo, bắt buộc phải đăng ký học Tiếng Anh tối thiểu 01 cấp lớp/học kỳ (trừ học kỳ đầu tiên).

g. Kết thúc học kỳ 4 (theo sơ đồ đào tạo), sinh viên chưa hoàn thành cấp độ Tiếng Anh 1 sẽ không được đăng ký các môn học khác để tập trung học Tiếng Anh (Sinh viên được xem xét đăng ký học một số môn chung như Giáo dục thể chất tự chọn 1, 2, Bồi lợi, các học phần Giáo dục quốc phòng, các môn học theo nhóm môn Kỹ năng phát triển bền vững, các môn học chính trị Mác Lênin, Cơ sở tin học).

f. Sinh viên trẻ lộ trình đào tạo Tiếng Anh theo quy định nhưng có kết quả tham gia học Tiếng Anh liên tục trong tất cả các học kỳ và đủ điều kiện dự thi cuối khóa, được cứu xét miễn các học phần Tiếng Anh trẻ lộ trình khi sinh viên có Chứng chỉ/bảng điểm Tiếng Anh quốc tế đầu ra còn thời hạn theo Bảng 4 - chương trình cấp bằng Cử nhân, Bảng 5 - chương trình cấp bằng Kỹ sư, Kiến trúc sư, Bảng 6 - chương trình cấp bằng Dược sĩ.

Bảng 1 - Chương trình Tiếng Anh tiêu chuẩn cấp bằng Cử nhân

Mã môn	Tên học phần	Điểm thi xếp lớp		Số tín chỉ	Số tiết học trên lớp	Lộ trình tiếng Anh chuẩn
		Bài thi trực tiếp	Bài thi trực tuyến			
CHƯƠNG TRÌNH DỰ BỊ TẬP TRUNG						
P150B1	Tiếng Anh Dự bị 1	< 15	< 21	-	75	
P150B2	Tiếng Anh Dự bị 2	15 đến 19	21 đến 29	-	75	
P150B3	Tiếng Anh Dự bị 3	20 đến 29	30 đến 35	-	75	
P150B4	Tiếng Anh Dự bị 4	30 đến 34	36 đến 45	5	75	
CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH CHÍNH THỨC						
P15001	Tiếng Anh 1	35 đến 39	46 đến 55	5	75	Học kỳ 2
P15002	Tiếng Anh 2	≥ 40 đến 49	≥ 56 đến 60	5	75	Học kỳ 3
P15C50	Chứng chỉ IELTS quốc tế ≥ 5.0 hoặc các chứng chỉ/bảng điểm Tiếng Anh quốc tế khác còn thời hạn có giá trị tương đương theo Bảng 3					Học kỳ 4

Bảng 2 - Chương trình Tiếng Anh tiêu chuẩn cấp bằng Kỹ sư, Kiến trúc sư

Mã môn	Tên học phần	Điểm thi xếp lớp		Số tín chỉ	Số tiết học trên lớp	Lộ trình tiếng Anh chuẩn
		Bài thi trực tiếp	Bài thi trực tuyến			
CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH DỰ BỊ TẬP TRUNG						
P150F1	Tiếng Anh dự bị 1	< 15	< 21	-	75	
P150F2	Tiếng Anh dự bị 2	15 đến 19	21 đến 29	-	75	
P150F3	Tiếng Anh dự bị 3	20 đến 29	30 đến 35	-	75	
P150F4	Tiếng Anh dự bị 4	30 đến 34	36 đến 45	-	75	
P150F5	Tiếng Anh dự bị 5	35 đến 39	46 đến 55	-	75	
CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH CHÍNH THỨC						
P15011	Tiếng Anh 1	40 đến 49	56 đến 60	5	75	Học kỳ 2
P15012	Tiếng Anh 2	50 đến 62	61 đến 65	5	75	Học kỳ 3
P15013	Tiếng Anh 3	63 đến 65	66 đến 75	5	75	Học kỳ 3

Mã môn	Tên học phần	Điểm thi xếp lớp		Số tín chỉ	Số tiết học trên lớp	Lộ trình tiếng Anh chuẩn
		Bài thi trực tiếp	Bài thi trực tuyến			
P15014	Tiếng Anh 4	66 đến 70	76 đến 80	5	75	Học kỳ 4
P15C55	Chứng chỉ IELTS quốc tế ≥ 5.5 hoặc các chứng chỉ/bảng điểm Tiếng Anh quốc tế khác còn thời hạn có giá trị tương đương theo Bảng 4					Học kỳ 5

Bảng 3 - Chương trình Tiếng Anh tiêu chuẩn cấp bằng Dược sĩ

Mã môn	Tên học phần	Điểm thi xếp lớp		Số tín chỉ	Số tiết học trên lớp	Lộ trình Tiếng Anh chuẩn
		Bài thi trực tiếp	Bài thi trực tuyến			
CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH DỰ BỊ TẬP TRUNG						
P150F1	Tiếng Anh dự bị 1	< 15	< 21	-	75	
P150F2	Tiếng Anh dự bị 2	15 đến 19	21 đến 29	-	75	
P150F3	Tiếng Anh dự bị 3	20 đến 29	30 đến 35	-	75	
P150F4	Tiếng Anh dự bị 4	30 đến 34	36 đến 45	-	75	
P150F5	Tiếng Anh dự bị 5	35 đến 39	46 đến 55	-	75	
P150F6	Tiếng Anh dự bị 6	40 đến 49	56 đến 60	-	75	
CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH CHÍNH THỨC						
P15021	Tiếng Anh 1	50 đến 62	61 đến 65	5	75	Học kỳ 3
P15022	Tiếng Anh 2	63 đến 65	66 đến 75	5	75	Học kỳ 3
P15023	Tiếng Anh 3	66 đến 70	76 đến 80	5	75	Học kỳ 4
P15C55	Chứng chỉ IELTS quốc tế ≥ 5.5 hoặc các chứng chỉ/bảng điểm Tiếng Anh quốc tế khác còn thời hạn có giá trị tương đương theo Bảng 6					Học kỳ 5

Bảng 4 – Bảng xét miễn môn học theo các loại chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế dành cho chương trình cấp bằng Cử nhân (miễn theo lộ trình đào tạo tại Bảng 1)

STT	Học phần được xét miễn theo chương trình Inspire English	Điểm IELTS	Điểm TOEFL iBT	Điểm Cambridge Exams	Điểm Cambridge Linguaskill	APTIS		PTE	TOEIC (4 kỹ năng)		
						General	Advanced		Nghe & Đọc	Viết	Nói
1	Tiếng Anh dự bị 1,2,3,4	4.0	≥ 50	A2 Key/B1 Pre/ BEC Pre ≥ 120	≥ 120	≥ 66		≥ 22	≥ 450	≥ 30	≥ 50
2	Tiếng Anh dự bị 1,2,3,4, Tiếng Anh 1	4.5	≥ 55	B1 Pre/B2 First/ BEC Pre ≥ 130	≥ 130	≥ 84		≥ 30	≥ 500	≥ 70	≥ 90
3	Tiếng Anh dự bị 1,2,3,4, Tiếng Anh 1,2	5.0	≥ 60	B1 Pre/B2 First/ BEC Van ≥ 140	≥ 140	≥ 117	≥ 84	≥ 36	≥ 550	≥ 120	≥ 120

Bảng 5 – Bảng xét miễn môn học theo các loại chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế dành cho chương trình cấp bằng Kỹ sư, Kiến trúc sư (miễn theo lộ trình đào tạo tại Bảng 2)

STT	Học phần được xét miễn theo chương trình Inspire English	Điểm IELTS	Điểm TOEFL iBT	Điểm Cambridge Exams	Điểm Cambridge Linguaskill	APTIS		PIE	TOEIC (4 kỹ năng)		
						General	Advanced		Nghe & Đọc	Viết	Nói
1	Tiếng Anh dự bị 1,2,3,4	4.0	≥ 50	A2 Key/B1 Pre/ BEC Pre ≥ 120	≥ 120	≥ 66		≥ 22	≥ 450	≥ 30	≥ 50
2	Tiếng Anh dự bị 1,2,3,4,5	4.5	≥ 55	B1 Pre/B2 First/ BEC Pre ≥ 130	≥ 130	≥ 84		≥ 30	≥ 500	≥ 70	≥ 90
3	Tiếng Anh dự bị 1,2,3,4,5 Tiếng Anh 1	5.0	≥ 60	B1 Pre/B2 First/ BEC Van ≥ 140	≥ 140	≥ 117	≥ 84	≥ 36	≥ 550	≥ 120	≥ 120
4	Tiếng Anh dự bị 1,2,3,4,5 Tiếng Anh 1,2	≥ 5.5	≥ 65	B1 Pre/B2 First/ BEC Van ≥ 155	≥ 155	≥ 153	≥ 126	≥ 42	≥ 580	≥ 140	≥ 150
5	Tiếng Anh dự bị 1,2,3,4,5 Tiếng Anh 1,2,3		≥ 70	B1 Pre/ B2 First/ C1 Adv/ C2 Pro/ BEC Van ≥ 160	≥ 160				≥ 600	≥ 150	≥ 160
6	Tiếng Anh dự bị 1,2,3,4,5 Tiếng Anh 1,2,3,4										

Bảng 6 – Bảng xét miễn môn học theo các loại chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế dành cho chương trình cấp bằng Dược sĩ (miễn theo lộ trình đào tạo tại Bảng 3)

STT	Học phần được xét miễn theo chương trình Inspire English	Điểm IELTS	Điểm TOEFL iBT	Điểm Cambridge Exams	Điểm Cambridge Linguaskill	APTIS		PIE	TOEIC (4 kỹ năng)		
						General	Advanced		Nghe & Đọc	Viết	Nói
1	Tiếng Anh dự bị 1,2,3,4	4.0	≥ 50	A2 Key/B1 Pre/ BEC Pre ≥ 120	≥ 120	≥ 66		≥ 22	≥ 450	≥ 30	≥ 50
2	Tiếng Anh dự bị 1,2,3,4,5	4.5	≥ 55	B1 Pre/B2 First/ BEC Pre ≥ 130	≥ 130	≥ 84		≥ 30	≥ 500	≥ 70	≥ 90
3	Tiếng Anh dự bị 1,2,3,4,5,6	5.0	≥ 60	B1 Pre/B2 First/ BEC Van ≥ 140	≥ 140	≥ 117	≥ 84	≥ 36	≥ 550	≥ 120	≥ 120
4	Tiếng Anh dự bị 1,2,3,4,5,6 Tiếng Anh 1	≥ 5.5	≥ 65	B1 Pre/B2 First/ BEC Van ≥ 155	≥ 155	≥ 153	≥ 126	≥ 42	≥ 580	≥ 140	≥ 150

STT	Học phần được xét miễn theo chương trình Inspire English	Điểm IELTS	Điểm TOEFL iBT	Điểm Cambridge Exams	Điểm Cambridge Linguaskill	APTIS		PTE	TOEIC (4 kỹ năng)		
						General	Advanced		Nghe & Đọc	Viết	Nói
5	Tiếng Anh dự bị 1,2,3,4,5,6 Tiếng Anh 1,2	≥5.5	≥70	B1 Pre/ B2 First/ C1 Adv/ C2 Pro/ BEC Van ≥ 160	≥ 160				≥ 600	≥ 150	≥ 160
6	Tiếng Anh dự bị 1,2,3,4,5,6 Tiếng Anh 1,2,3										

B. CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH CHẤT LƯỢNG CAO (INSPIRE ENGLISH)

1. **Chuẩn đầu ra Tiếng Anh:** Sinh viên chương trình chất lượng cao của tất cả các ngành (trừ ngành Ngôn ngữ Anh) phải đạt **trình độ B2** (quốc tế), tương đương **IELTS 5.5** hoặc các chứng chỉ quốc tế khác tương đương theo Bảng 1

**Bảng 1 – Bảng xét miễn học phần tiếng Anh theo các loại chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế
Miễn theo lộ trình đào tạo (Bảng 2)**

STT	Học phần được xét miễn theo chương trình Inspire English	Điểm IELTS	Điểm TOEFL iBT	Điểm Cambridge Exams	Điểm Cambridge Linguaskill	APTIS		PTE	TOEIC (4 kỹ năng)		
						General	Advanced		Nghe & Đọc	Viết	Nói
1	Tiếng Anh dự bị 1,2,3,4	4.0	≥ 50	A2 Key/B1 Pre/ BEC Pre ≥ 120	≥ 120	≥ 66		≥ 22	≥ 450	≥ 30	≥ 50
2	Tiếng Anh dự bị 1,2,3,4,5	4.5	≥ 55	B1 Pre/B2 First/ BEC Pre ≥ 130	≥ 130	≥ 84		≥ 30	≥ 500	≥ 70	≥ 90
3	Tiếng Anh dự bị 1,2,3,4,5, Tiếng Anh 1	5.0	≥ 60	B1 Pre/B2 First/ BEC Van ≥ 140	≥ 140	≥ 117	≥ 84	≥ 36	≥ 550	≥ 120	≥ 120
4	Tiếng Anh dự bị 1,2,3,4,5, Tiếng Anh 1,2	≥5.5	≥ 65	B1 Pre/B2 First/ BEC Van ≥ 155	≥ 155	≥153	≥ 126	≥ 42	≥ 580	≥ 140	≥ 150
5	Tiếng Anh dự bị 1,2,3,4,5, Tiếng Anh 1,2,3,4,5		≥ 70	B1 Pre/ B2 First/ C1 Adv/ C2 Pro/ BEC Van ≥ 160	≥ 160				≥ 600	≥ 150	≥ 160

2. Chương trình học Tiếng Anh chất lượng cao (Inspire English):

a. Các ngành cấp bằng Cử nhân: gồm 05 học phần tiếng Anh dự bị ngoài chương trình và 04 học phần tiếng Anh chính thức trong chương trình đào tạo theo Bảng 2.

b. Các ngành cấp bằng Kỹ sư, Kiến trúc sư, Dược sĩ: gồm 05 học phần tiếng Anh dự bị ngoài chương trình và 05 học phần tiếng Anh chính thức trong chương trình đào tạo theo Bảng 2.

Bảng 2 - Các học phần Tiếng Anh Inspire English chương trình chất lượng cao

Chương trình chất lượng cao	Mã môn	Tên học phần	Điểm thi xếp lớp		Số tín chỉ	Số tiết học trên lớp	Lộ trình Tiếng Anh chuẩn
			Bài thi trực tiếp	Bài thi trực tuyến			
Cấp bằng cử nhân, kỹ sư, kiến trúc sư, Dược sĩ	P15HB1	Tiếng Anh dự bị 1	< 15	< 21	-	75	
	P15HB2	Tiếng Anh dự bị 2	15 đến 19	21 đến 29	-	75	
	P15HB3	Tiếng Anh dự bị 3	20 đến 29	30 đến 35	-	75	
	P15HB4	Tiếng Anh dự bị 4	30 đến 34	36 đến 45		75	
	P15HB5	Tiếng Anh dự bị 5	35 đến 39	46 đến 55		75	
	P15H01	Tiếng Anh 1	40 đến 49	56 đến 60	5	75	Học kỳ 2
	P15H02	Tiếng Anh 2	50 đến 62	61 đến 65	5	75	Học kỳ 3
	P15H03	Tiếng Anh 3	63 đến 65	66 đến 75	5	75	Học kỳ 3
	P15H04	Tiếng Anh 4	66 đến 70	76 đến 80	5	75	Học kỳ 4
Cấp bằng kỹ sư, kiến trúc sư, Dược sĩ	P15H05	Tiếng Anh 5	≥ 71	≥ 81	2	30	Học kỳ 4
	P15C55	Chứng chỉ IELTS quốc tế ≥ 5.5 hoặc các chứng chỉ/bảng điểm Tiếng Anh quốc tế khác còn thời hạn có giá trị tương đương theo Bảng 2					Học kỳ 5

c. Sinh viên năm nhất khi nhập học chương trình chất lượng cao nếu không nộp các Chứng chỉ/bảng điểm tiếng Anh quốc tế như IELTS, TOEIC (4 kỹ năng), TOEFL iBT, Cambridge A2 Key/B1 Preliminary/B2 First/C1 Advanced/C2 Proficiency/ BEC Pre/BEC Van, Cambridge Linguaskill, APTIS, PTE ... còn thời hạn (với mức điểm quy định tại Bảng 1) phải tham gia kỳ thi đánh giá năng lực Tiếng Anh đầu vào.

d. Căn cứ vào kết quả thi đánh giá trình độ Tiếng Anh đầu vào (theo quy định Bảng 2) hoặc căn cứ vào chứng chỉ/bảng điểm Tiếng Anh quốc tế do sinh viên nộp (theo quy định Bảng 1) còn thời hạn giá trị đến thời điểm bắt đầu học Tiếng Anh, sinh viên được xếp vào cấp độ lớp Tiếng Anh theo lộ trình đào tạo tương ứng.

e. Sinh viên không tham dự kỳ thi đánh giá năng lực Tiếng Anh đầu vào và không nộp chứng chỉ/bảng điểm Tiếng Anh quốc tế theo thời gian Trường thông báo hoặc sinh viên có điểm thi đầu vào thấp hơn mức điểm học chương trình chính thức theo Bảng 2, phải học bổ sung thêm các học phần Tiếng Anh dự bị tập trung trước khi vào học Chương trình Tiếng Anh chính thức.

f. Kết thúc học kỳ 4 (theo sơ đồ đào tạo), sinh viên chưa hoàn thành cấp độ Tiếng Anh 1 sẽ không được đăng ký các môn học khác để tập trung học Tiếng Anh (Sinh viên được xem xét đăng ký

học một số môn chung như Giáo dục thể chất tự chọn 1, 2, Bồi lợi, các học phần Giáo dục quốc phòng, các môn học theo nhóm môn Kỹ năng phát triển bền vững, các môn học chính trị Mác Lênin, Cơ sở tin học).

g. Sinh viên trẻ lộ trình đào tạo Tiếng Anh theo quy định nhưng có kết quả tham gia học Tiếng Anh liên tục trong tất cả các học kỳ và đủ điều kiện dự thi cuối khóa, được xem xét miễn các học phần Tiếng Anh trẻ lộ trình khi sinh viên có chứng chỉ/bảng điểm tiếng Anh quốc tế tương đương IELTS \geq 5.5 còn thời hạn theo Bảng 1

C. CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH – WORLD ENGLISH

Chương trình **World English** là chương trình được xây dựng để SV chương trình đại học bằng tiếng Anh đạt được chuẩn đầu ra sau khóa học. Chương trình World English mang đến môi trường học tập, trải nghiệm với chương trình quốc tế cập nhật và hiệu quả nhất cho các bạn học sinh Việt Nam. Tiếng Anh không chỉ dừng lại ở chứng chỉ và bằng cấp. Trong chương trình này, sinh viên sẽ đặc biệt được rèn luyện để trở thành những công dân toàn cầu – tiếng Anh tốt, tự tin, có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, tư duy mở (growth mindset) và trải nghiệm hoàn toàn trong môi trường 100% tiếng Anh. Sau khi kết thúc khóa học, sinh viên sẽ có phát âm rõ ràng, có khả năng nghe bài giảng từ các giáo sư hàng đầu trên thế giới, nói chuyện và tranh luận với bạn bè quốc tế bằng tiếng Anh, đọc sách và các bài nghiên cứu, thuyết trình và tranh biện trước đám đông đồng thời sẵn sàng cho việc học tập nâng cao, học tập suốt đời và nghiên cứu.

1. Chuẩn đầu ra Tiếng Anh – World English: Sinh viên học Chương trình đại học bằng tiếng Anh có Chuẩn đầu ra Tiếng Anh đạt **trình độ B2+** (quốc tế), tương đương **IELTS 6.0** hoặc các chứng chỉ quốc tế khác tương đương theo Bảng 1.

Bảng 1 – Bảng xét miễn học phần tiếng Anh theo các loại chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế (miễn theo lộ trình đào tạo tại Bảng 2)

STT	Học phần được xét Miễn	Điểm IELTS	Điểm TOEFL iBT	Điểm Cambridge Exams	Điểm Cambridge Linguaskill	APTIS		PTE	TOEIC 4 kỹ năng		
						General	Advanced		Nghe & Đọc	Viết	Nói
1	Intensive Preliminary English 1,2,3	5.0	≥ 60	B1 Pre/B2 First/BEC Pre/ BEC Van ≥140	≥ 140	≥ 117	≥ 84	≥ 36	≥ 550	≥ 120	≥ 120
2	Intensive Preliminary English 1,2,3, Influencer English, Researcher English	5.5	≥ 65	B1 Pre/ B2 First/ C1 Advanced/ C2 Pro/ BEC Van ≥ 160	≥ 160	≥ 153	≥ 126	≥ 42	≥ 600	≥ 150	≥ 160
3	Intensive Preliminary English 1,2,3, Influencer English, Researcher English, Master English	6.0	≥ 75	B2 First/ C1 Advanced/ C2 Pro/ BEC Van/ BEC Higher ≥ 169	≥ 169	≥ 160	≥ 140	≥ 52	≥ 650	≥ 160	≥ 170

2. Điều kiện tiếng Anh đầu vào

Đối với *thí sinh Việt Nam* và *thí sinh ở các nước không có ngôn ngữ chính là Tiếng Anh* phải có Chứng chỉ IELTS **5.0** trở lên hoặc chứng chỉ quốc tế khác tương đương. Trường hợp người học chưa có chứng chỉ tiếng Anh IELTS **5.0** hoặc tương đương phải dự thi Bài thi đánh giá năng lực Tiếng Anh đầu vào để được xác nhận đủ điều kiện Tiếng Anh theo học chương trình (trừ ngành Ngôn ngữ Anh).

Bài thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu vào gồm 4 kỹ năng (Nghe, Nói, Đọc, Viết). Kết quả đánh giá năng lực Tiếng Anh đầu vào được xét theo Bảng 2.

Sau khi Sinh viên học xong chương trình dự bị Tiếng Anh, **nếu đạt học phần Intensive Preliminary English 3** sẽ được xét đủ điều kiện đầu vào Tiếng Anh của chương trình đại học bằng Tiếng Anh.

Bảng 2 - Các học phần Tiếng Anh World English chương trình đại học bằng Tiếng Anh

Mã môn	Tên học phần	Điểm thi xếp lớp		Số tín chỉ	Số tiết học trên Lớp	Lộ trình tiếng Anh chuẩn
		Bài thi trực tiếp	Bài thi trực tuyến			
0013B4	Intensive Key	< 30	< 30		225	Học dự bị trong thời gian 1 năm
0013B6	Intensive Preliminary English 1	30 đến 34	30 đến 45	-	75	Học dự bị trong thời gian 1 Học kỳ
0013B7	Intensive Preliminary English 2	35 đến 39	46 đến 55	-	75	
0013B8	Intensive Preliminary English 3	40 đến 49	56 đến 60	-	75	
001324	Influencer English	50 đến 59	61 đến 70	8	120	Học kỳ 1
001325	Researcher English	60 đến 64	71 đến 80	8	120	Học kỳ 2
001326	Master English	≥ 65	≥ 81	9	135	Học kỳ 3
P15C60	Chứng chỉ IELTS quốc tế ≥ 6.0 hoặc các chứng chỉ/bảng điểm Tiếng Anh quốc tế khác còn thời hạn có giá trị tương đương theo Bảng 2					Học kỳ 4

3. Chương trình Tiếng Anh World English được quy định tại Bảng 2, trong đó gồm 03 học phần chính thức trong chương trình đào tạo và 04 học phần Tiếng Anh dự bị.

Sinh viên phải hoàn thành các học phần Tiếng Anh chính thức theo lộ trình học Tiếng Anh và phải đạt điểm IELTS quốc tế ≥ 6.0 hoặc các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế khác còn thời hạn có giá trị tương đương theo Bảng 1.

Sinh viên học môn học Influencer English, Researcher English, Master English nếu chưa đạt phải đăng ký học lại các học phần này theo quy định. Sinh viên phải hoàn thành các học phần Tiếng Anh chính thức theo lộ trình học Tiếng Anh theo Bảng 2 và đạt chuẩn đầu ra **trình độ B2+** (quốc tế), tương đương **IELTS 6.0** hoặc các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế khác còn thời hạn theo Bảng 1. Lệ phí thi các kỳ thi chứng chỉ quốc tế sẽ do sinh viên đóng.

Sinh viên trở lộ trình đào tạo Tiếng Anh theo quy định nhưng có kết quả tham gia học Tiếng Anh liên tục trong tất cả các học kỳ và đủ điều kiện dự thi cuối khóa, được xem xét miễn các học phần Tiếng Anh trở lộ trình khi sinh viên có có chứng chỉ/bảng điểm tiếng Anh quốc tế tương đương IELTS ≥ 6.0 còn thời hạn theo Bảng 2

D. CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ

- **Điều kiện tiếng Anh đầu vào:** Sinh viên đạt chuẩn tiếng Anh đầu vào tương đương trình độ B2 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc) mới đủ điều kiện tham gia học chương trình chính khóa liên kết đào tạo quốc tế (Bảng 3). Sinh viên chưa đạt trình độ tiếng Anh theo quy định như trên phải tham gia Bài thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu vào gồm 4 kỹ năng (Nghe, Nói, Đọc, Viết) để được xác nhận đủ điều kiện Tiếng Anh theo học chương trình. Chương trình dự bị tiếng Anh (Intensive Key English, Intensive Preliminary English 1, Intensive Preliminary English 2, Intensive Preliminary English 3, Influencer English, Researcher English) và Kết quả bài thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu vào được quy định ở Bảng 4.

Bảng 3 - Bảng chứng chỉ tiếng Anh quốc tế xét điều kiện đầu vào tiếng Anh

Điểm IELTS Academic	Điểm TOEFL iBT	Điểm Cambridge Exams	Điểm Cambridge Linguaskill	TOEIC 4 kỹ năng		
				Nghe & Đọc	Viết	Nói
≥ 5.5	≥ 65	B1 Pre/ B2 First/ C1 Advanced/ C2 Pro/ BEC Van ≥ 160	≥ 160	≥ 600	≥ 150	≥ 160

Bảng 4 - Bảng xếp lớp chương trình tiếng Anh theo kết quả thi xếp lớp đầu vào

Mã môn	Tên học phần	Điểm thi xếp lớp đầu vào		Số tín chỉ	Số tiết học	Lộ trình tiếng Anh chuẩn
		Bài thi trực tiếp	Bài thi trực tuyến			
0013B4	Intensive Key English	<30	<30	-	225	1 học kỳ
0013B6	Intensive Preliminary English 1	30 đến 34	30 đến 45	-	75	1 Học kỳ
0013B7	Intensive Preliminary English 2	35 đến 39	46 đến 55	-	75	
0013B8	Intensive Preliminary English 3	40 đến 49	56 đến 60	-	75	
001324	Influencer English	50 đến 59	61 đến 70	5	120	1 học kỳ
001325	Researcher English	60 đến 64	71 đến 80	5	120	1 học kỳ
001326	Master English	≥ 65	≥ 81	5	135	dành cho CTĐT yêu cầu tiếng Anh đạt IELTS 6.0

Sinh viên học và thi đạt các học phần tiếng Anh theo khung đào tạo ở Bảng 4 hoặc có chứng chỉ/bảng điểm tiếng Anh quốc tế còn thời hạn theo quy định tại Bảng 5 sẽ được xét miễn các học phần tiếng Anh theo quy định của từng chương trình liên kết.

Bảng 5 – Bảng xét miễn học phần tiếng Anh theo các loại chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế

STT	Học phần được xét miễn	Điểm IELTS	Điểm TOEFL iBT	Điểm Cambridge Exams	Điểm Cambridge Linguaskill	TOEIC 4 kỹ năng		
						Nghe & Đọc	Viết	Nói
1	Intensive Preliminary English 3	5.0	≥ 60	B1 Pre/B2 First/BEC Pre/ BEC Van ≥ 140	≥ 140	≥ 550	≥ 120	≥ 120
2	Influencer English	5.5	≥ 65	B1 Pre/ B2 First/ C1 Advanced/ C2 Pro/ BEC Van ≥ 160	≥ 160	≥ 600	≥ 150	≥ 160
	Researcher English							
3	Master English	6.0	≥ 75	B2 First/ C1 Advanced/ C2 Pro/ BEC Van/ BEC Higher ≥ 169	≥ 169	≥ 650	≥ 160	≥ 170

Đối với chương trình liên kết quốc tế có yêu cầu chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 6.0 (hoặc các chứng chỉ quốc tế khác tương đương), sinh viên phải hoàn thành học phần Master English trước khi dự thi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.

Chi phí thi các kỳ thi chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế sẽ do sinh viên thanh toán.

- Điều kiện tiếng Anh xét hoàn thành giai đoạn 1: Sinh viên phải nộp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo yêu cầu của chương trình liên kết theo Bảng 6:

Bảng 6 - Quy định chuẩn tiếng Anh chuyển tiếp của các Chương trình liên kết

STT	Ngành/ chuyên ngành	Trường liên kết	Hình thức đào tạo	Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế
1	Kế toán	Đại học West of England, Bristol	3+1 (Song bằng)	Chứng chỉ tiếng Anh: IELTS 6.0 (không có kỹ năng thành phần nào ≤ 6.0) hoặc IELTS 6.5 (không có kỹ năng thành phần nào ≤ 5.5)
2	Kỹ thuật điện – điện tử	Đại học khoa học ứng dụng Saxion	2.5+1.5 (Song bằng)	Chứng chỉ tiếng Anh: IELTS 6.0 hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế khác tương đương theo quy định của Trường liên kết
3	Tài chính và kiểm soát		3+1 (Song bằng)	
4	Kỹ thuật xây dựng	Đại học La Trobe	2+2 (Song bằng)	Chứng chỉ tiếng Anh: IELTS 6.0 (không có kỹ năng thành phần nào ≤ 6.0) hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế khác tương đương
5	Công nghệ thông tin			
6	Tài chính	Đại học khoa học và công nghệ Loughwa	3+1 (Đơn bằng)	Chứng chỉ tiếng Anh: IELTS 5.5 hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế khác tương đương
7	Quản trị kinh doanh quốc tế			
8	Khoa học máy tính và công nghệ tin học	Đại học khoa học và công nghệ Loughwa	2+2 (Đơn bằng)	Chứng chỉ tiếng Anh: IELTS 5.5 hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế khác tương đương
		Đại học kỹ thuật Ostrava		Chứng chỉ tiếng Anh:

STT	Ngành/ chuyên ngành	Trường liên kết	Hình thức đào tạo	Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế
				IELTS 5.5 hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế khác tương đương
9	Quản trị nhà hàng- khách sạn	Đại học Taylor's	2.5+1.5 (Song bằng)	Chứng chỉ tiếng Anh: IELTS 5.5 hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế khác tương đương
10	Quản trị kinh doanh	Đại học Kinh tế và Kinh doanh Praha	2+2 (Song bằng)	Chứng chỉ tiếng Anh: IELTS 5.5 hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế khác tương đương theo quy định của Trường liên kết
11	Tài chính	Đại học Feng Chia	2+2 (Song bằng)	Chứng chỉ tiếng Anh: IELTS 5.5 hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế khác tương đương

E. GIỚI THIỆU BÀI THI XẾP LỚP TIẾNG ANH ĐẦU VÀO

Tân sinh viên nhập học (trừ sinh viên chương trình đại học tiếng Anh và ngành Ngôn ngữ Anh) phải tham gia bài thi xếp lớp tiếng Anh đầu vào để Nhà trường sắp xếp cấp độ lớp tiếng Anh phù hợp năng lực của sinh viên. Tân sinh viên không tham gia bài thi xếp lớp phải học tiếng Anh dự bị ở cấp độ thấp nhất.

Bài thi xếp lớp Tiếng Anh đầu vào gồm 03 bài thi đánh giá 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết, cụ thể như sau:

Bài thi 1: Đánh giá kỹ năng sử dụng Tiếng Anh, Đọc và Nghe: theo cấu trúc bài thi CEPT của Cambridge

- **Thời gian:** 45 phút.
- **Hình thức thi:** Làm bài trên máy tính.
- CEPT là bài kiểm tra tương thích trực tuyến trên máy tính. Khi thí sinh tiến hành làm bài, các câu hỏi tiếp theo sẽ dựa vào kết quả trả lời câu hỏi trước của thí sinh. Việc này dẫn đến bài thi sẽ trở nên dễ hơn hay khó hơn cho đến khi trình độ được thể hiện ổn định nhất, lúc đó trình độ tiếng Anh của thí sinh sẽ được xác định một cách chính xác. Bài kiểm tra tương thích phù hợp với tất cả các thí sinh cho dù tiếng Anh của thí sinh đang ở cấp độ nào đi nữa. Thí sinh không phải trả lời hết tất cả các câu hỏi khó hơn, hoặc dễ hơn so với trình độ của mình.

- **Kết quả bài kiểm tra:** Mỗi thí sinh được báo cáo kết quả dựa trên khung điểm tối đa đến 50 điểm và tương ứng với Khung trình độ CEFR.

- **Sinh viên lưu ý:**
 - + Cần hoàn thành hết các câu hỏi của cả các phần Nghe, Đọc và sử dụng tiếng Anh thì hệ thống mới đo được năng lực ngôn ngữ và cho kết quả. Thí sinh tập trung thời gian vào quá lâu ở 01 kỹ năng và không còn thời gian hoàn thành các kỹ năng còn lại, kết quả có khả năng không được hiển thị.
 - + Kết quả hiển thị của Bài thi 1 chỉ mang tính chất tham khảo, chưa phải là kết quả xác định cấp độ xếp lớp tiếng Anh, sinh viên cần phải hoàn thành thêm Bài thi 2 và Bài thi 3.

Bài thi 2: Kỹ năng Viết

- **Thời gian:** 45 phút.
- **Hình thức thi:** Trên máy tính.
- **Cấu trúc bài thi viết:** Thí sinh viết 1 bài luận nhận xét về 1 chủ đề xã hội từ **250-300 chữ**.

Bài thi 3: Kỹ năng Nói

- Thời gian: 10-12 phút
- Hình thức thi: Nói (trực tiếp) tại Phòng thi, gồm 01 giám khảo và 01 thí sinh.
- Cấu trúc bài thi nói:
 - + **Phần 1 (3 phút):** Giám khảo sẽ phỏng vấn thí sinh liên quan đến thông tin cá nhân.
 - + **Phần 2 (3 phút):** Giám khảo sẽ yêu cầu thí sinh trình bày về 1 chủ đề xã hội. ***Thí sinh có 1 phút để chuẩn bị câu trả lời. Sau đó thí sinh có 2 phút để trình bày quan điểm.***
 - + **Phần 3 (3 phút):** Giám khảo sẽ tiếp tục nêu các câu hỏi có liên quan đến chủ đề và quan điểm thí sinh vừa trình bày ở **Phần 2**.

Bài thi mẫu, sinh viên xem chi tiết trên thông tin sinh viên (<https://stdportal.tdtu.edu.vn/>) vào Mục tân sinh viên.

PHẦN 5- CHÍNH SÁCH HỌC PHÍ NĂM 2022

A. Học phí trình độ đại học

1. Học phí chương trình tiêu chuẩn

1.1. Học phí trung bình theo khối ngành đào tạo (ngoại trừ ngành Golf và Việt Nam học - chuyên ngành Việt ngữ học)

		ĐVT: đồng/năm
Khối ngành	Tên ngành	Học phí trung bình
Khối ngành 1	Thiết kế đồ họa, Thiết kế công nghiệp, Thiết kế nội thất, Thiết kế thời trang	26.400.000
	Kỹ thuật điện, Kỹ thuật điện tử - viễn thông, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật cơ điện tử	
	Kỹ thuật phần mềm, Khoa học máy tính, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
	Kỹ thuật hóa học, Công nghệ sinh học	
	Kiến trúc, Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Quy hoạch vùng và đô thị	
	Công nghệ kỹ thuật môi trường (chuyên ngành Cấp thoát nước - Môi trường nước), Khoa học môi trường, Bảo hộ lao động	
Khối ngành 2	Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc - CN Trung Quốc	22.550.000
	Kế toán	
	Xã hội học, Công tác xã hội, Việt Nam học - chuyên ngành Du lịch và Lữ hành, Việt Nam học - chuyên ngành Du lịch và Quản lý du lịch	
	Toán ứng dụng, Thống kê	
	Quản lý thể dục thể thao – CN Kinh doanh thể thao và tổ chức sự kiện	
	Marketing, Quản trị kinh doanh - CN Quản trị Nhà hàng-Khách sạn, Kinh doanh quốc tế, Quản trị kinh doanh - CN Quản trị nguồn nhân lực	
	Quan hệ lao động - CN Quản lý quan hệ lao động, CN Hành vi tổ chức	
	Tài chính - Ngân hàng	
Luật		
Ngành khác	Dựợc học	50.600.000

1.2. Học phí ngành Golf (dự kiến)

ĐVT: đồng			
	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3
Năm 1	17.552.865	24.915.110	3.388.000
Năm 2	35.272.710	35.348.940	4.195.070
Năm 3	35.724.040	28.327.310	5.808.000
Năm 4	28.979.500	18.050.780	

1.3. Học phí ngành Việt Nam học chuyên ngành Việt ngữ học và Văn hóa, xã hội Việt Nam: **39.900.000** đồng/năm

1.4. Mức học phí tạm thu các khối ngành của chương trình tiêu chuẩn khi nhập học năm 2022

- + Khối ngành 1: **13.200.000** đồng
- + Khối ngành 2: **11.550.000** đồng
- + Ngành Dược: **25.300.000** đồng
- + Ngành Golf: **17.600.000** đồng
- + Ngành Việt ngữ học: **19.950.000** đồng

1.5. Quy định về việc học, miễn các môn kỹ năng tiếng Anh:

Học phí Tiếng Anh theo chương trình đào tạo (trừ tiếng Anh dự bị) đã tính trong học phí bình quân chung theo khung chương trình đào tạo.

- Sinh viên nhập học tham gia kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu khóa theo đề thi 4 kỹ năng Nghe, Đọc, Viết, Nói (kỹ năng Nghe – Đọc được kiểm tra theo đề Cambridge English Placement Test).

- Trường hợp đạt trình độ Tiếng Anh ở các cấp độ theo quy định trong khung chương trình đào tạo hoặc nộp Chứng chỉ quốc tế còn giá trị thời hạn, sẽ được miễn học và không đóng tiền cho học phần được miễn.

- Trường hợp chưa đạt điều kiện bắt đầu học Tiếng Anh 1, sinh viên phải học bổ sung các học phần Tiếng Anh dự bị và *nộp riêng học phí cho học phần Tiếng Anh dự bị này* (ngoài khung chương trình đào tạo).

2. Học phí chương trình chất lượng cao

2.1. Học phí theo lộ trình đào tạo

Học phí được xác định theo lộ trình đào tạo (04 năm đối với chương trình cử nhân, 05 năm đối với chương trình kỹ sư). **Mức học phí này không bao gồm học phí kỹ năng tiếng Anh** ngoại trừ ngành Ngôn ngữ Anh.

ĐVT: đồng						
STT	Ngành	Học phí năm 1	Học phí năm 2	Học phí năm 3	Học phí năm 4	Học phí năm 5
1	Kế toán	39.890.000	46.539.000	51.082.000	51.082.000	-
2	Tài chính - Ngân hàng	39.890.000	46.539.000	51.082.000	51.082.000	-
3	Luật	39.890.000	46.539.000	51.082.000	51.082.000	-
4	Việt Nam học - Chuyên ngành du lịch và quản lý du lịch	39.347.000	45.904.000	50.386.000	50.386.000	-
5	Ngôn ngữ Anh	49.231.000	57.435.000	63.043.000	63.043.000	-
6	Marketing	48.114.000	56.133.000	61.613.000	61.613.000	-
7	Kinh doanh quốc tế	48.114.000	56.133.000	61.613.000	61.613.000	-
8	Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành quản trị Nhà hàng - Khách sạn	48.221.000	56.257.000	61.750.000	61.750.000	-

DVT: đồng

STT	Ngành	Học phí năm 1	Học phí năm 2	Học phí năm 3	Học phí năm 4	Học phí năm 5
9	Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị nguồn nhân lực	48.114.000	56.133.000	61.613.000	61.613.000	-
10	Công nghệ sinh học (*)	40.250.000	46.959.000	51.543.000	51.543.000	51.543.000
11	Kỹ thuật xây dựng (*)	40.250.000	46.959.000	51.543.000	51.543.000	51.543.000
12	Kỹ thuật điện (*)	40.790.000	47.588.000	52.235.000	52.235.000	52.235.000
13	Kỹ thuật điện tử viễn thông (*)	40.790.000	47.588.000	52.235.000	52.235.000	52.235.000
14	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (*)	40.790.000	47.588.000	52.235.000	52.235.000	52.235.000
15	Kỹ thuật phần mềm	40.790.000	47.588.000	52.235.000	52.235.000	-
16	Khoa học máy tính	41.329.000	48.217.000	52.925.000	52.925.000	-
17	Thiết kế đồ họa	41.006.000	47.840.000	52.511.000	52.511.000	-

(*) Các ngành đào tạo cấp bằng kỹ sư

2.2. Học phí kỹ năng tiếng Anh chương trình chất lượng cao

STT	Môn học	Số tiền (đồng)
A. Chương trình tiếng Anh dự bị		
1	Tiếng Anh dự bị 1 (75 tiết)	3.850.000
2	Tiếng Anh dự bị 2 (75 tiết)	3.850.000
3	Tiếng Anh dự bị 3 (75 tiết)	3.850.000
4	Tiếng Anh dự bị 4 (75 tiết)	3.850.000
5	Tiếng Anh dự bị 5 (75 tiết)	3.850.000
B. Chương trình tiếng Anh chính khóa		
1	Tiếng Anh 1 (75 tiết)	3.850.000
2	Tiếng Anh 2 (75 tiết)	3.850.000
3	Tiếng Anh 3 (75 tiết)	3.850.000
4	Tiếng Anh 4 (75 tiết)	3.850.000
5	Tiếng Anh 5 (30 tiết)	1.540.000

2.3. Mức học phí tạm thu (chưa tính học phí Tiếng Anh) các khối ngành của chương trình chất lượng cao nhập học năm 2022

- Ngành Kế toán, Tài chính - Ngân hàng, Luật, Việt Nam học - Chuyên ngành du lịch và quản lý du lịch: **20.020.000** đồng

- Ngành Công nghệ sinh học, Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật điện tử viễn thông, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật phần mềm, Khoa học máy tính, Thiết kế đồ họa: **20.570.000** đồng

- Ngành Ngôn ngữ Anh, Marketing, Kinh doanh quốc tế, Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành quản trị Nhà hàng - Khách sạn, Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị nguồn nhân lực: **24.200.000** đồng

2.4. Mức học phí tạm thu Tiếng Anh (2 cấp độ/học kỳ): 7.700.000 đồng (không tạm thu học phí tiếng Anh đối với ngành Ngôn ngữ Anh)

2.5. Quy định về việc học, miễn các môn kỹ năng tiếng Anh:

- Sinh viên nhập học tham gia kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu khóa theo đề thi 4 kỹ năng Nghe, Đọc, Viết, Nói (kỹ năng Nghe – Đọc được kiểm tra theo đề Cambridge English Placement Test).

- Trường hợp đạt trình độ Tiếng Anh ở các cấp độ theo quy định trong khung chương trình đào tạo hoặc nộp Chứng chỉ quốc tế còn giá trị thời hạn, **sẽ được miễn học và không đóng tiền cho học phần được miễn.**

- Trường hợp chưa đạt các cấp độ theo quy định trong khung chương trình đào tạo, sinh viên phải học bổ sung các học phần Tiếng Anh dự bị và nộp riêng học phí cho học phần Tiếng Anh dự bị này (ngoài khung chương trình đào tạo).

3. Học phí chương trình đại học bằng tiếng Anh

3.1. Học phí theo lộ trình đào tạo

Học phí được xác định theo lộ trình đào tạo (04 năm đối với chương trình cử nhân, 05 năm đối với chương trình kỹ sư). Mức học phí này không bao gồm học phí Kỹ năng tiếng Anh.

ĐVT: đồng

STT	Ngành	Học phí năm 1	Học phí năm 2	Học phí năm 3	Học phí năm 4	Học phí năm 5
1	Kế toán (Chuyên ngành kế toán quốc tế)	58.321.000	71.444.000	72.983.000	72.983.000	-
2	Tài chính ngân hàng	58.741.000	71.444.000	72.983.000	72.983.000	-
3	Việt Nam học (Chuyên ngành Du lịch và Quản lý du lịch)	56.133.000	68.763.000	70.245.000	70.245.000	-
4	Ngôn ngữ Anh	60.440.000	74.039.000	75.634.000	75.634.000	-
5	Marketing	60.297.000	73.865.000	75.456.000	75.456.000	-
6	Kinh doanh quốc tế	60.297.000	73.865.000	75.456.000	75.456.000	-
7	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành quản trị nhà hàng - khách sạn)	60.297.000	73.865.000	75.456.000	75.456.000	-
8	Công nghệ sinh học (*)	59.743.000	73.185.000	74.762.000	74.762.000	74.762.000
9	Kỹ thuật xây dựng (*)	58.605.000	71.791.000	73.338.000	73.338.000	73.338.000
10	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (*)	59.640.000	73.059.000	74.633.000	74.633.000	74.633.000
11	Kỹ thuật phần mềm	59.537.000	72.933.000	74.504.000	74.504.000	-
12	Khoa học máy tính	59.846.000	73.311.000	74.890.000	74.890.000	-

(*) Các ngành đào tạo cấp bằng kỹ sư

Đối với sinh viên trúng tuyển vào chương trình đại học bằng tiếng Anh nhưng chưa đạt chuẩn đầu vào tiếng Anh (IELTS 5.0 hoặc tương đương, hoặc có kết quả kì thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu khóa chưa đạt đầu vào), sinh viên phải học chương trình tiếng Anh dự bị tập trung cho đến khi đạt trình độ tương đương tiếng Anh chuẩn đầu vào của chương trình (theo mục 3.2)

3.2. Học phí kỹ năng tiếng Anh chương trình Word English

Sinh viên chưa đạt trình độ tiếng Anh B1 phải tham gia học chương trình dự bị tiếng Anh (các học phần dự bị tiếng Anh).

Đơn vị: đồng			
STT	Trình độ	Môn học	Số tiền
A. Các học phần Tiếng anh dự bị			
1	A2	Intensive Key English (225 tiết)	14.850.000
2	B1	Intensive Preliminary English 1 (75 tiết)	4.950.000
		Intensive Preliminary English 2 (75 tiết)	4.950.000
		Intensive Preliminary English 3 (75 tiết)	4.950.000
B. Các học phần theo khung chương trình đào tạo			
1	B1+	Influencer English (120 tiết)	9.350.000
2	B2	Researcher English (120 tiết)	9.350.000
3	B2+	Master English (135 tiết)	10.450.000

3.3. Mức học phí tạm thu (chưa tính học phí Tiếng Anh) các khối ngành của chương trình đại học bằng tiếng Anh

- Kế toán (Chuyên ngành kế toán quốc tế), Tài chính ngân hàng, Việt Nam học (Chuyên ngành Du lịch và Quản lý du lịch): **30.250.000** đồng
- Công nghệ sinh học, Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật phần mềm, Khoa học máy tính: **31.570.000** đồng
- Marketing, Kinh doanh quốc tế, Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành quản trị nhà hàng - khách sạn): **31.900.000** đồng
- Ngôn ngữ Anh: **30.250.000** đồng
- Sinh viên học chương trình dự bị tiếng Anh: **14.850.000** đồng

3.4. Mức học phí tạm thu Tiếng Anh: 9.500.000 đồng (không tạm thu học phí tiếng Anh đối với ngành Ngôn ngữ Anh và sinh viên học chương trình dự bị tiếng Anh)

3.5. Quy định về việc học, miễn các môn kỹ năng tiếng Anh:

- Sinh viên nhập học tham gia kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu khóa theo đề thi 4 kỹ năng Nghe, Đọc, Viết, Nói (kỹ năng Nghe – Đọc được kiểm tra theo đề Cambridge English Placement Test).
- Trường hợp đánh giá năng lực đầu vào đạt trình độ Tiếng Anh ở các cấp độ theo quy định trong khung chương trình đào tạo hoặc nộp Chứng chỉ quốc tế còn giá trị thời hạn, sẽ được miễn học và không đóng tiền cho học phần được miễn.

4. Học phí chương trình liên kết đào tạo quốc tế

4.1. Học phí theo lộ trình đào tạo (chưa bao gồm học phí kỹ năng tiếng Anh)

DVT: đồng

STT	Ngành	Học phí năm 1	Học phí năm 2	Học phí năm 3	Trường liên kết	Ghi chú
1	Kỹ thuật xây dựng (2+2)	58.605.000	71.791.000		Úc	Song bằng
2	Công nghệ thông tin (2+2)	59.846.000	73.311.000		Úc	Song bằng
3	Kế toán (3+1)	58.321.000	71.444.000	72.983.000	Vương quốc Anh	Song bằng
4	Quản trị kinh doanh (2+2)	60.297.000	73.865.000		Cộng hòa Séc	Song bằng
5	Tài chính và kiểm soát (3+1)	58.741.000	71.444.000	72.983.000	Hà Lan	Song bằng
6	Kỹ thuật điện – điện tử (2.5 + 1.5)	59.640.000	73.059.000	37.316.500	Hà Lan	Song bằng
7	Tài chính (3+1)	58.741.000	71.444.000	72.983.000	Đài Loan	Đơn bằng
8	Quản trị kinh doanh quốc tế (3+1)	60.297.000	73.865.000	75.456.000	Đài Loan	Đơn bằng
9	Khoa học máy tính và công nghệ tin học (2+2)	59.846.000	73.311.000		Đài Loan	Đơn bằng
10	Quản trị nhà hàng – khách sạn (2.5 + 1.5)	60.297.000	73.865.000	37.728.000	Malaysia	Song bằng
11	Tài chính (2+2)	58.741.000	71.444.000		Đài Loan	Song bằng

4.2. Học phí các môn kỹ năng tiếng Anh chương trình liên kết quốc tế

Sinh viên chưa đạt trình độ tiếng Anh B2 phải tham gia học chương trình dự bị tiếng Anh gồm có: chương trình dự bị tiếng Anh 1 dành cho sinh viên có trình độ tiếng Anh dưới B1; chương trình dự bị tiếng Anh 2 dành cho sinh viên có trình độ từ B1 trở lên.

Đơn vị: đồng

Chương trình	Trình độ	Môn học	Số tiền
A. Các học phần Tiếng anh dự bị			
Dự bị tiếng Anh 1	A2	Intensive Key English (225 tiết)	14.850.000
	B1	Intensive Preliminary English 1 (75 tiết)	4.950.000
		Intensive Preliminary English 2 (75 tiết)	4.950.000
		Intensive Preliminary English 3 (75 tiết)	4.950.000
Dự bị tiếng Anh 2	B1+	Influencer English (120 tiết)	9.350.000
	B2	Researcher English (120 tiết)	9.350.000
B. Các học phần theo khung chương trình đào tạo (đối với chương trình yêu cầu tiếng Anh chuyển tiếp IELTS 6.0)			
	B2+	Master English (135 tiết)	10.450.000

4.3. Mức học phí tạm thu khi nhập học năm 2022

4.3.1. Sinh viên chương trình liên kết đào tạo quốc tế (đạt trình độ tiếng Anh \geq B2)

+ Kế toán (3+1), Tài chính và kiểm soát (3+1). Tài chính (3+1), Tài chính (2+2): **30.250.000** đồng

+ Kỹ thuật xây dựng (2+2), Công nghệ thông tin (2+2), Kỹ thuật điện – điện tử (2.5 + 1.5).
Khoa học máy tính và công nghệ tin học (2+2): **31.570.000** đồng

+ Quản trị kinh doanh (2+2), Quản trị nhà hàng – khách sạn (2.5 + 1.5), Quản trị kinh doanh quốc tế (3+1): **31.900.000** đồng

4.3.2. Sinh viên học chương trình dự bị tiếng Anh 2 (đạt trình độ tiếng Anh \geq B1)

+ Bao gồm mức học phí tạm thu theo khối ngành ở mục 4.3.1

+ Tạm thu tiếng Anh: **9.500.000** đồng

4.3.3. Sinh viên học chương trình dự bị tiếng Anh 1 (đạt trình độ tiếng Anh $<$ B1): tạm thu **14.850.000** đồng

B. Các quy định liên quan đến học phí, chi phí (trích từ quy định quản lý nguồn thu từ hoạt động giáo dục Trường Đại học Tôn Đức Thắng)

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Sinh viên có nghĩa vụ nộp học phí theo thời gian đã thông báo để đảm bảo các quyền lợi học và thi. Sinh viên được quyền xin gia hạn thời gian nộp học phí theo quy chế đào tạo và quy chế công tác sinh viên của Trường.

2. Sinh viên không hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời gian quy định (và không được xét gia hạn học phí) sẽ không đủ điều kiện tham gia nhóm học, không đủ điều kiện dự thi tất cả các môn học và không được công nhận điểm học phần. Phần học phí này được ghi nợ và sinh viên có nghĩa vụ hoàn thành học phí này ở các lần đóng tiếp theo.

Điều 5. Học phí chương trình tiêu chuẩn

Học phí được xác định theo các môn học mà sinh viên đăng ký thành công theo từng học kỳ. Học phí môn học = (tín chỉ lý thuyết x đơn giá tín chỉ lý thuyết) + (tín chỉ thực hành x đơn giá tín chỉ thực hành).

Điều 6. Học phí chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình đại học bằng tiếng Anh, chương trình liên kết quốc tế.

Học phí được tính theo học kỳ và theo lộ trình đào tạo đã được phê duyệt trong dự toán mở chương trình, công bố khi tuyển sinh hoặc công bố học phí vào đầu mỗi năm học.

Điều 15. Hoàn học phí cho sinh viên mới nhập học vào Trường.

1. Các khoản thu khác:

a. Nhà trường không hoàn trả các khoản thu khi đã làm thủ tục nhập học. Các khoản thu khác bao gồm: chi phí nhập học, chi phí thi xếp lớp tiếng Anh đầu vào, chi phí kiểm tra sức khỏe.

b. Đối với khoản thu mua bảo hiểm cho sinh viên:

- Nếu Trường chưa mua bảo hiểm sẽ hoàn trả tiền phí này lại cho sinh viên.

- Nếu Trường đã mua bảo hiểm, sinh viên được nhận thẻ bảo hiểm y tế mà Trường đã mua.

2. Học phí:

Học phí hoàn trả = Tỷ lệ hoàn học phí x số tiền học phí đã đóng

- **Số tiền học phí đã đóng** thể hiện trên Hóa đơn/Phiếu thu tiền/Giấy nộp tiền và sinh viên đã đóng khi làm thủ tục nhập học.

- **Tỷ lệ hoàn học phí** được tính theo thời gian từ ngày đóng tiền (ngày in trên Hóa đơn/Phiếu thu tiền/Giấy nộp tiền) đến ngày nhận đơn xin hoàn học phí theo bảng tính như sau:

STT	Thời gian	Tỷ lệ % hoàn học phí
1	Từ ngày thứ 01 đến ngày thứ 07	100%
2	Từ ngày thứ 08 đến ngày thứ 14	75%
3	Từ ngày thứ 15 đến ngày thứ 21	50%
4	Từ ngày 22 trở đi	0%

Điều 16. Trường hợp sinh viên đã theo học tại Trường

1. Đối với chương trình tiêu chuẩn, chương trình thạc sĩ

Trường chỉ đồng ý xem xét về vấn đề rút học phí cho trường hợp sinh viên có lý do chính đáng (kèm minh chứng). Mức học phí được hoàn trả sẽ được tính dựa theo công thức :

Học phí hoàn trả = Tổng học phí đã nộp – Tổng học phí các môn đã và đang học

2. Đối với chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình đại học bằng tiếng Anh, chương trình liên kết quốc tế , chương trình tiến sĩ, chương trình trung cấp và cao đẳng

a. Trường không hoàn trả học phí cho sinh viên theo học các chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình đại học bằng tiếng Anh, chương trình liên kết quốc tế , chương trình tiến sĩ, chương trình trung cấp và cao đẳng .

c. Hoàn học phí đối với các môn học được xét miễn học thực hiện theo các qui định học vụ của Trường.

PHẦN 6. QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

A. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Trường tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.

a) Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Đào tạo trình độ đại học được thực hiện từ bốn đến năm năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương);

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có 15 tuần thực học và từ 02 đến 04 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm các học kỳ phụ: như học kỳ hè và học kỳ dự thính để sinh viên có điều kiện được học lại, học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 07 tuần thực học và 01 tuần thi.

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Hiệu trưởng dự kiến phân bổ số môn học cho từng năm học, từng học kỳ.

B. Nghỉ học tạm thời, xin thôi học

1. Sinh viên được xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;

b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế;

c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;

d) Vì lý do cá nhân. Trường hợp này sinh viên phải học tối thiểu 01 học kỳ và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật; phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 5,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức theo quy định.

e) Các trường hợp đặc biệt khác do Hiệu trưởng quyết định.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất 02 tuần trước khi học kỳ bắt đầu theo kế hoạch thời gian năm học của Trường ban hành, sẽ được xem xét giải quyết hủy các môn học và không phải đóng học phí trong học kỳ đó. Trường hợp sinh viên gửi đơn trong học kỳ, sinh viên phải thực hiện nghĩa vụ học phí theo quy định của Nhà trường và làm đơn rút môn học (học phí sẽ không được Nhà trường hoàn trả).

3. Sinh viên nghỉ học tạm thời phải viết đơn xin nhập học lại theo thời gian nhập học lại ghi trong quyết định nghỉ học tạm thời, ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới. Trường hợp đã hết thời hạn nghỉ học tạm thời mà sinh viên không nhập học lại, xem như sinh viên tự ý bỏ học. Nhà trường sẽ ra quyết định thôi học.

4. Vì lý do cá nhân, sinh viên được quyền viết đơn xin thôi học trừ trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật. Sinh viên xin thôi học phải thực hiện nghĩa vụ học phí môn học theo quy định của Nhà trường. Việc bảo lưu và công nhận kết quả học tập đã tích lũy đối với sinh viên xin thôi học tuyển sinh mới lại tại trường được xem xét căn cứ vào chuẩn đầu ra môn học và chương trình đào tạo hiện hành.

C. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, sinh viên bị cảnh báo khi rơi vào các điều kiện: Đối với sinh viên còn trong thời hạn khóa học: Có điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 2,00 đối với học kỳ đầu của khóa học; đạt dưới 2,50 đối với các học kỳ tiếp theo hoặc đạt dưới 3,00 đối với 2 học kỳ liên tiếp; không đăng ký học tiếng Anh hoặc không đạt học phần tiếng Anh

đối với sinh viên chưa đạt tiếng Anh theo quy định bị ngưng học các môn học khác ngoại trừ tiếng Anh; không đăng ký môn học trong học kỳ (chỉ trừ trường hợp đã hoàn thành CTĐT).

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- a) Bị cảnh báo kết quả học tập hai lần liên tiếp vì rơi vào các trường hợp thuộc khoản 1 Điều này;
- b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường;
- c) Bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

3. Sinh viên bị buộc thôi học theo quy định ở khoản 2 Điều này có thể làm đơn cứu xét trình Hiệu trưởng xem xét; hoặc sinh viên có thể làm đơn chuyển xuống các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình vừa học vừa làm tương ứng, và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ khi học ở các chương trình mới này. Hiệu trưởng sẽ xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Trường sẽ ra thông báo gửi về gia đình nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

D. Trách nhiệm của Trường và của sinh viên trong việc đăng ký môn học

1. Trách nhiệm của Trường:

- Đầu khóa học Trường cung cấp cho sinh viên Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành học, quy định về công tác quản lý và đào tạo; bố trí giáo viên cố vấn (GVCV) cho từng lớp sinh viên.
- GVCV chịu trách nhiệm quản lý sinh viên, tư vấn xây dựng kế hoạch học tập (KHHT) và thực hiện quá trình học tập theo đúng quy định của Trường.
- Trước mỗi học kỳ, Trường thông báo cho sinh viên danh sách các môn dự kiến sẽ được giảng dạy trong học kỳ đó và thời khóa biểu của từng môn học tương ứng.

2. Trách nhiệm của sinh viên:

- Sinh viên phải xây dựng KHHT bằng cách liệt kê các môn học cần phải học trong từng học kỳ của khoá học. KHHT là cơ sở để sinh viên có thể đăng ký môn học trong mỗi học kỳ và là cơ sở để Nhà trường mở lớp, xếp Thời khóa biểu môn học cho sinh viên.
- Tất cả sinh viên đều phải thực hiện **đăng ký môn học** dựa trên KHHT đã đăng ký trước khi học kỳ mới bắt đầu (sinh viên mới trúng tuyển không phải đăng ký môn học cho Học kì đầu tiên của khoá học).

E. Khối lượng học tập tối thiểu và tối đa trong mỗi học kỳ

Đối với các học kỳ chính, sinh viên phải đăng ký số tín chỉ tối thiểu được quy định trong Quy chế đào tạo trình độ đại học; chỉ được đăng ký không vượt quá số tín chỉ tối đa được quy định trong Quy chế đào tạo.

Việc đăng ký các môn học sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng môn học và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

F. Đăng ký môn học

1. Quy trình đăng ký môn học

a) Bước 1: Sinh viên xây dựng KHHT của mỗi học kỳ bằng cách liệt kê các môn học cần phải học trong học kỳ đó dựa trên CTĐT, danh sách các môn học dự kiến được giảng dạy và tham khảo ý kiến của GVCV.

b) Bước 2: Sinh viên dựa vào KHHT và thời khóa biểu trong học kỳ do trường công bố để đăng ký môn học theo kế hoạch đăng kí môn học của Trường. Trong khoảng thời gian đăng ký môn học dành cho sinh viên (được sắp xếp theo Khoa), sinh viên có thể điều chỉnh việc đăng ký môn học. Sau thời gian trên, kết quả đăng ký môn học của sinh viên sẽ được cố định, sinh viên không được điều chỉnh môn học.

c) Bước 3: Trường xử lý kết quả sinh viên đã đăng ký môn học và công bố cho sinh viên kiểm tra, điều chỉnh nếu cần. (Sinh viên chỉ được phép điều chỉnh khi có lý do chính đáng như bị hủy nhóm môn học đăng ký lại nhóm môn học mới).

d) Bước 4: Sinh viên cập nhật kết quả đăng ký môn học và đóng học phí theo đúng thời gian quy định.

2. Sinh viên phải đăng ký đúng những môn học đã đăng ký trong KHHT. Chỉ những trường hợp trùng thời khóa biểu, vi phạm điều kiện ràng buộc môn học trước, môn học tiên quyết, sinh viên mới được xét huỷ bớt môn học đã đăng ký trong KHHT.

3. Rút môn học

- Chậm nhất là tuần lễ thứ 7 của học kỳ chính, tuần lễ thứ 2 của học kỳ hè, nếu thấy khó khăn có thể dẫn đến kết quả kém, sinh viên có thể xin phép rút môn học đã đăng ký nhưng không được hoàn trả lại học phí. Sinh viên không được phép rút các môn học đã kết thúc giảng dạy theo thời khóa biểu và có kết quả đánh giá môn học do giảng viên phụ trách (dành cho các môn thí nghiệm, thực hành, kỹ năng, đồ án...).

- Trong các học kỳ chính, số môn học còn lại sau khi rút bớt không được dưới số tín chỉ tối thiểu theo quy định.

- Muốn được rút môn học, sinh viên nộp đơn trực tuyến trên Cổng thông tin sinh viên. Những môn học xin rút bớt được nhận điểm rút môn học (R) trong bảng điểm học kỳ.

4. Sinh viên đã đăng ký môn học thành công nhưng không đi học hoặc không dự thi kết thúc môn học sẽ bị ghi nhận điểm V (vắng thi).

G. Hủy, mở thêm lớp môn học

1. Hủy lớp môn học: những lớp môn học có số lượng sinh viên đăng ký ít hơn số lượng tối thiểu để xem xét mở lớp môn học theo quy định sẽ bị hủy. Trong khoảng thời gian đăng ký môn học, những sinh viên đã đăng ký các môn học bị hủy do không đủ điều kiện mở lớp được phép đăng ký môn học khác thay thế.

2. Mở thêm lớp môn học: Trong thời gian quy định đăng ký môn học của học kỳ, nếu số lượng sinh viên có nguyện vọng đăng ký học nhiều hơn số lượng tối thiểu để xem xét mở lớp môn học và được Khoa/Bộ môn phụ trách môn học đó chấp thuận, Trường sẽ mở thêm lớp môn học để sinh viên đăng ký bổ sung.

H. Đánh giá môn học

1. Đối với các môn học chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của môn học, điểm tổng hợp đánh giá môn học (sau đây gọi tắt là điểm môn học) được tính căn cứ vào các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm quá trình (điểm kiểm tra trên lớp, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia hoạt động trên lớp, điểm đánh giá phần thực hành, điểm chuyên cần, điểm đánh giá bài tập về nhà, điểm đánh giá qua bài tập elearning, điểm báo cáo, thuyết trình...); điểm thi giữa kỳ; điểm thi kết thúc môn học, trong đó điểm thi kết thúc môn học là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới **50%**. Các trường hợp ngoại lệ khác do Hiệu trưởng quyết định.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá môn học do Khoa quản lý môn học quy định trong đề cương chi tiết của môn học.

2. Đối với các môn học thực hành, đồ án, kiến tập, thực tập, học phần nghề nghiệp: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các hoạt động theo yêu cầu của môn học được thể hiện trong đề cương chi tiết. Điểm đánh giá môn học được quy định trong đề cương chi tiết, bao gồm: điểm thực hành, điểm chuyên cần, điểm thực tập do doanh nghiệp đánh giá, điểm báo cáo/tiểu luận, điểm thi kết thúc môn,...

I. Tổ chức kỳ thi đánh giá môn học

Trong mỗi học kỳ, Trường tổ chức thi tập trung 2 kỳ thi chính (thi giữa kỳ và thi cuối kỳ), 01 kỳ thi phụ dành cho sinh viên hoãn thi giữa kỳ (học kỳ chính và học kỳ dự thính) và 01 kỳ thi phụ dành cho sinh viên hoãn thi cuối kỳ của học kỳ dự thính có lý do chính đáng.

J. Xét và công nhận tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp hệ chính quy theo ngành đào tạo chính nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

- Được công nhận là sinh viên hệ chính quy tập trung của trường theo đúng ngành cấp bằng;
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có các chứng chỉ giáo dục quốc phòng và chứng chỉ giáo dục thể chất;
- Hoàn tất toàn bộ CTĐT của ngành/chuyên ngành, có đủ số tín chỉ tích lũy quy định cho khóa ngành đào tạo và có ĐTBTL không dưới **5,00**;
- Đạt các yêu cầu về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Đạt các yêu cầu về điểm rèn luyện được quy định trong Quy chế Công tác sinh viên;
- Sinh viên đăng ký dự xét tốt nghiệp trên Cổng thông tin sinh viên..

K. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về học và thi, kiểm tra

1. Sinh viên nếu vi phạm các điều kiện sau đây sẽ không đủ điều kiện tham dự kỳ kết thúc môn học:

- Bị ghi nhận nợ học phí của học kỳ hiện tại, sinh viên sẽ không đủ điều kiện dự thi tất cả các môn học trong học kỳ đó và bị ghi điểm F.
- Vi phạm nghiêm trọng kỷ luật học tập, nội quy học đường, gian dối trong học tập. Hình thức xử lý sẽ căn cứ theo quyết định kỷ luật của Trường.
- Nằm trong danh sách không đảm bảo tối thiểu 80% yêu cầu bắt buộc học tập trên lớp và ở nhà được quy định cho từng môn học; Không thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của môn học và các yêu cầu theo quy định của môn học.

2. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, thi giữa kỳ, thi kết thúc môn học, chuẩn bị đề án..., nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng môn học đã vi phạm.

3. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

4. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 3 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hoặc Quy chế công tác sinh viên của Trường.

5. Nhà trường ra quyết định buộc thôi học theo từng học kỳ chính khi sinh viên vi phạm đồng thời 03 lỗi sau:

- Sinh viên vắng sinh hoạt chủ nhiệm từ 03 tháng trở lên (đối với sinh viên năm nhất và năm hai); sinh viên không đi học và không tham gia hoạt động của Trường, Khoa trong học kỳ (có xác nhận của Tổ trưởng tự quản, Lớp trưởng, Giảng viên chủ nhiệm/cố vấn, viên chức công tác sinh viên, Lãnh đạo khoa).

- Thông báo đến sinh viên bằng nhiều hình thức (email, điện thoại, gửi thư về gia đình) nhưng sinh viên hoặc gia đình không liên hệ phản hồi trong thời gian quy định hoặc phản hồi sinh viên đã nghỉ học (có minh chứng).

- Sinh viên bị cảnh báo kết quả học tập.

L. Học phí

Tất cả sinh viên đều có nghĩa vụ đóng học phí và đóng đúng thời gian quy định của Trường. Học phí được đóng theo từng học kỳ. Những sinh viên không đóng học phí đúng thời gian quy định

(và không được xét gia hạn học phí) sẽ không đủ điều kiện tham gia nhóm học, không đủ điều kiện dự thi tất cả các môn học trong học kỳ và bị ghi nhận điểm F.

Học phí này vẫn được ghi nợ và sinh viên có trách nhiệm đóng học phí ở các kỳ đóng sau.

M. Tổ chức giảng dạy và học tập

1. Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại Trường, những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài Trường; Tùy tình hình thực tế, nhà trường bố trí địa điểm giảng dạy cho phù hợp với đặc thù môn học.

2. Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy chính quy được sắp xếp trong khoảng từ 06 giờ đến 20 giờ các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 7. Tùy theo tình hình thực tế của trường, Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian hoạt động giảng dạy; thời gian tổ chức những hoạt động đặc thù của chương trình đào tạo; thời gian tổ chức các khóa học, môn học, lịch thi,... trong các trường hợp ngoại lệ để người học có thể linh hoạt đăng ký học.

Thời gian học tại TDTU được chia thành 5 ca học: Buổi sáng: ca 1, ca 2; Buổi chiều: ca 3, ca 4; Buổi tối: ca 5. Trong đó, ca 1 đến ca 4 là thời gian học tập chủ yếu của các bạn sinh viên hệ đại học chính quy. Ca 5 thường dành cho các lớp học Tiếng Anh, lớp học dự thính.

BUỔI SÁNG			BUỔI CHIỀU			BUỔI TỐI		
Ca	Tiết	Giờ học	Ca	Tiết	Giờ học	Ca	Tiết	Giờ học
Ca 1	1	- 06h50 đến 07h40	Ca 3	7	- 12h45 đến 13h35	Ca 5	13	- 18h05 đến 18h55
	2	- 07h40 đến 08h30		8	- 13h35 đến 14h25		14	- 18h55 đến 19h45
	3	- 08h30 đến 09h20		9	- 14h25 đến 15h15		15	- 19h45 đến 20h35
Ca 2	4	- 09h30 đến 10h20	Ca 4	10	- 15h25 đến 16h15	* Ca 5 áp dụng đối với học kỳ dự thính.		
	5	- 10h20 đến 11h10		11	- 16h15 đến 17h05			
	6	- 11h10 đến 12h00		12	- 17h05 đến 17h55			

Lưu ý:

- Mỗi tiết (giờ) học 50 phút.
- Sinh viên có mặt tại lớp học, phòng thí nghiệm/phòng thực hành trước 05 phút khi bắt đầu giờ học.

3. Phòng Đại học sắp xếp thời khóa biểu cho các lớp theo số lượng sinh viên, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của Trường.

4. Tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức các lớp học phương thức trực tuyến khi đáp ứng Quy định đào tạo trực tuyến của Trường và có các giải pháp bảo đảm chất lượng giảng dạy trực tuyến.

PHẦN 7 - TRÍCH NỘI DUNG QUY CHẾ CÔNG TÁC SINH VIÊN

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA SINH VIÊN

Điều 4. Quyền của sinh viên

1. Được nhận vào học đúng ngành, nghề đã đăng ký dự tuyển nếu đủ các điều kiện trúng tuyển theo quy định hiện hành;

2. Được hưởng các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước, Nhà trường: miễn, giảm học phí theo quy định hiện hành, hỗ trợ chi phí học tập theo quyết định hiện hành, xét cấp học bổng, khen thưởng và hỗ trợ người học...;

3. Được tôn trọng và đối xử bình đẳng, được cung cấp đầy đủ thông tin, được tạo điều kiện trong học tập, nghiên cứu, rèn luyện, bao gồm:

a) Nhà trường cấp một tài khoản thông qua hệ thống thông tin sinh viên để phục vụ trao đổi thông tin trong quá trình học tập, nghiên cứu và rèn luyện;

b) Sử dụng hệ thống thư viện, các trang thiết bị và phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, thí nghiệm, nghiên cứu khoa học, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao;

c) Tham gia hoạt động trong tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên Việt Nam, Hội liên hiệp Thanh niên Việt Nam; tham gia công tác nghiên cứu khoa học, tham gia các đội sinh viên tự quản, các câu lạc bộ, đội, nhóm; tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao...;

d) Được xét tiếp nhận vào Ký túc xá theo quy định của Nhà trường và Quy chế tổ chức hoạt động Ký túc xá;

e) Nghỉ học tạm thời, học trễ tiến độ, vượt tiến độ; học ngành chính, ngành phụ; chuyển trường; nghỉ hè, nghỉ tết, nghỉ lễ theo quy định;

f) Đăng ký dự tuyển đi học, tham gia các hoạt động giao lưu, trao đổi sinh viên ở nước ngoài; học chuyển tiếp ở các trình độ đào tạo cao hơn theo quy định của Nhà trường;

g) Khám sức khỏe; chăm sóc sức khỏe tại Phòng Y tế của Trường;

h) Trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp của mình kiến nghị với Nhà trường các giải pháp góp phần xây dựng Nhà trường; được đề đạt nguyện vọng và các vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích chính đáng của sinh viên;

4. Sinh viên đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp được Nhà trường cấp bằng tốt nghiệp, bằng điểm tốt nghiệp toàn khóa/phụ lục văn bằng; các giấy tờ có liên quan;

5. Sinh viên đã tốt nghiệp được tạo điều kiện tham gia Hội cựu sinh viên của Trường, được thông tin về các chế độ ưu đãi ở các bậc học cao hơn dành cho cựu sinh viên; được giới thiệu các doanh nghiệp mình đang công tác hoặc doanh nghiệp do mình điều hành đóng góp ý kiến, phản hồi về chương trình đào tạo giúp cho Nhà trường ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.

Điều 5. Nhiệm vụ của sinh viên

1. Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ trường đại học và các quy chế, nội quy, quy định của Nhà trường;

2. Cư xử với mọi người lễ phép, lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Tôn trọng giảng viên, cán bộ và nhân viên (gọi tắt là giảng viên - viên chức) của Nhà trường; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình học tập, nghiên cứu và rèn luyện; thực hiện tốt nếp sống văn minh;

3. Sử dụng đúng mục đích, đúng quy định đối với các trang thiết bị trong giảng đường, phòng học, thư viện, sảnh tự học, ký túc xá...; có trách nhiệm bảo quản toàn bộ trang thiết bị học tập, sinh hoạt tại Trường để các thế hệ sinh viên sau có thể sử dụng tốt; không viết, vẽ, khắc chữ lên tường, cửa, bàn ghế; giữ gìn vệ sinh trong khuôn viên Trường, nơi công cộng...; rác thải phải bỏ vào thùng rác đúng quy định; ra khỏi giảng đường, phòng học, nhà vệ sinh, ký túc xá,... tự giác tắt đèn, quạt và các trang thiết bị có sử dụng nguồn điện; luôn luôn phải nhớ và ý thức việc tiết kiệm;

4. Tác phong nghiêm túc khi đến Trường: đeo thẻ sinh viên; trang phục lịch sự, gọn gàng và phù hợp với môi trường giáo dục; mang giày hoặc dép có quai hậu; thực hiện trang phục truyền thống: *nữ áo dài truyền thống của Trường; nam áo sơ mi trắng, quần âu sẫm màu, bỏ áo vào quần* ngày thứ Hai, thứ Năm hàng tuần và các ngày lễ hội của Trường khi có yêu cầu; không để tóc, sử dụng trang sức quá khác biệt với số đông. Những trường hợp đặc thù sẽ thực hiện theo văn bản được Hiệu trưởng phê duyệt;

5. Tuyệt đối không làm việc riêng trong giờ học: ngủ, chơi game, nghe nhạc, đọc báo, đọc truyện, nói chuyện, chơi cờ caro, thẻ tranh...; sử dụng điện thoại, sử dụng máy vi tính không đúng mục đích; mất trật tự trong giờ học;

6. Thực hiện nhiệm vụ học tập, nghiên cứu và rèn luyện theo quy định của Nhà trường;

7. Nộp đầy đủ hồ sơ; nhập thông tin sinh viên, nhân thân chính xác; kịp thời thông báo cho Phòng Công tác học sinh - sinh viên khi có sự thay đổi;

8. Đóng học phí, các khoản phí khác, tham gia bảo hiểm y tế, tham gia khám sức khỏe theo quy định. Trường hợp đặc thù thực hiện theo các quy định hiện hành;

9. Thực hiện đúng các cam kết đã ký, xác nhận việc tìm hiểu thông tin “Những điều cần biết khi học tại Trường”,...;

10. Tham gia phòng, chống tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử và các hoạt động khác của sinh viên, giảng viên - viên chức; kịp thời báo cáo với Khoa, Phòng Công tác học sinh - sinh viên khi phát hiện những hành vi tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử, vi phạm nội quy, quy chế khác của sinh viên, giảng viên - viên chức trong Trường; hoặc những hành vi vi phạm pháp luật;

11. Thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của sinh viên nội trú theo Quy chế tổ chức và hoạt động Ký túc xá; các trách nhiệm của sinh viên ngoại trú theo Quy chế ngoại trú;

12. Nghiêm chỉnh chấp hành Luật nghĩa vụ quân sự; chấp hành lệnh điều động tham gia khóa đào tạo sĩ quan dự bị trong quá trình học tập ở Trường (nếu có lệnh điều động);

13. Sinh viên phải kiểm tra hệ thống thông tin sinh viên (thông báo, email...) **hàng ngày** để kịp thời nắm bắt các thông tin cần thiết. Sinh viên phải bảo mật tài khoản của mình, không cung cấp cho người khác sử dụng. Sinh viên sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm khi để người khác sử dụng tài khoản của mình hoặc sử dụng tài khoản không đúng mục đích cho việc học;

14. Riêng đối với những sinh viên được hưởng học bổng, chi phí đào tạo do Nhà trường cấp thì phải thực hiện đúng cam kết với Nhà trường.

Điều 6. Các hành vi sinh viên không được làm

Các hành vi sinh viên không được làm được quy định cụ thể tại Phụ lục “Những điều sinh viên không được làm; nội dung vi phạm và hình thức xử lý sinh viên” đính kèm theo Quy chế này, bao gồm nhưng không hạn chế ở các hành vi sau đây:

1. Tổ chức hoặc tham gia các hoạt động vi phạm pháp luật;
2. Hành vi ứng xử không đúng mực; vô lễ đối với giảng viên - viên chức;
3. Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, nhân viên, người học của Nhà trường và người khác;

4. Có hành vi gian lận trong tuyển sinh, học tập, bảo vệ đồ án tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp hoặc gian lận trong việc làm hồ sơ để được cấp văn bằng, chứng chỉ; nhờ hoặc thuê người khác làm hộ đồ án tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp;

5. Vi phạm quy định “liêm chính học thuật”, sử dụng kết quả của người khác hoặc sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong đồ án tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp và bị hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sử dụng, sao chép, trích dẫn đó thì đồ án tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp không đạt yêu cầu;

6. Hành vi vi phạm nguyên tắc ứng xử văn minh Trường học;

7. Sử dụng các phương tiện truyền thông (bao gồm và không giới hạn các phương tiện như báo chí, mạng internet, mạng xã hội...) để đưa thông tin không đúng sự thật (*không có minh chứng*) hoặc những thông tin có minh chứng nhưng sử dụng từ ngữ không chuẩn mực gây ảnh hưởng đến uy tín Nhà trường, giảng viên - viên chức;

8. Tặng quà, tiền, phẩm vật cho giảng viên - viên chức của Trường dưới mọi hình thức;

9. Hút thuốc, sử dụng rượu, bia, thức uống có cồn trong trường học; say xỉn trong Trường;

10. Tổ chức hoặc tham gia tụ tập đông người, biểu tình, khiếu kiện trái pháp luật; tham gia tệ nạn xã hội, gây rối an ninh, trật tự an toàn trong Trường hoặc ngoài xã hội;

11. Thành lập, tham gia các hoạt động mang tính chất chính trị trái pháp luật; tổ chức, tham gia các hoạt động tập thể mang danh nghĩa Nhà trường khi chưa được Hiệu trưởng cho phép;

Các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật và Nhà trường.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

▪ Nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện:

1. Đánh giá kết quả rèn luyện được ghi nhận, cập nhật qua Cổng thông tin sinh viên, đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, chính xác;

2. Quy trình đánh giá chặt chẽ, phối hợp đồng bộ các đơn vị liên quan trong Nhà trường tham gia công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

▪ Nội dung và thang điểm đánh giá kết quả rèn luyện:

a. Việc xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên dựa trên các nội dung:

- Việc tuân thủ kỷ luật, nề nếp: tối đa 20 điểm;
- Việc tham gia các hoạt động chuyên môn học thuật: tối đa 20 điểm;
- Việc tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; hoạt động phong trào: tối đa 20 điểm;
- Việc tham gia các hoạt động cộng đồng, công tác xã hội, công tác tình nguyện: tối đa 20 điểm;
- Tinh thần tiên phong, gương mẫu: tối đa 20 điểm;
- Điểm thưởng: tối đa 20 điểm.

b. Đối với học kỳ sinh viên tham gia tập sự nghề nghiệp hoặc học kỳ sinh viên tham gia học tập tại nước ngoài (có quyết định của Nhà trường, thời gian học tập từ 02 (hai) tháng trở lên) thì nội dung và thang điểm đánh giá rèn luyện như sau:

- Sinh viên tham gia tập sự nghề nghiệp hoặc tham gia học tập tại nước ngoài tại học kỳ nào thì điểm rèn luyện được tính vào học kỳ đó, cách tính như sau:

+ Việc tuân thủ kỷ luật, nề nếp tại Trường và đơn vị tập sự nghề nghiệp hoặc Trường liên kết: tối đa 20 điểm;

+ Kết quả điểm tập sự nghề nghiệp hoặc kết quả học tập tại nước ngoài: tối đa 80 điểm;

+ Điểm thưởng: tối đa 20 điểm;

c. Nội dung và thang điểm đánh giá rèn luyện đối với sinh viên trình độ đại học thực hiện theo Phụ lục 1. Sinh viên xem thông tin chi tiết trong HTTTTSV.

▪ Ghi nhận kết quả đánh giá rèn luyện:

1. Kết quả đánh giá rèn luyện được ghi nhận bằng điểm số đánh giá theo thang điểm quy định tại Phụ lục dành cho sinh viên trình độ đại học, Phụ lục dành cho sinh viên trình độ cao đẳng đính kèm; mức tổng điểm cao nhất là **100** điểm;

2. Trong trường hợp tổng số điểm đạt thấp hơn hoặc đạt mức **100** điểm, tổng điểm của sinh viên sẽ được ghi nhận theo tổng điểm thực tế đạt được;

3. Trong trường hợp tổng số điểm vượt quá **100** điểm, tổng điểm của sinh viên sẽ được ghi nhận ở mức cao nhất trong thang điểm **100** điểm.

▪ Phân loại đánh giá:

1. Kết quả rèn luyện của sinh viên được phân thành các loại: xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu, kém;

2. Phân loại kết quả rèn luyện:

Phân loại	Điểm
Xuất sắc	Từ 90 đến 100 điểm
Tốt	Từ 80 đến 89 điểm
Khá	Từ 65 đến 79 điểm
Trung bình	Từ 50 đến 64 điểm
Yếu	Từ 35 đến 49 điểm
Kém	Dưới 35 điểm

▪ Sử dụng kết quả đánh giá rèn luyện:

1. Kết quả đánh giá rèn luyện được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu của Trường theo quy định về lưu trữ hồ sơ, số liệu của Trường và theo quy định của pháp luật;

2. Là tiêu chí: (1) để xét cấp các loại học bổng; (2) xét khen thưởng sinh viên; (3) thực hiện hỗ trợ phần chênh lệch học phí đối với các đối tượng được miễn, giảm học phí theo Nghị định hiện hành; (4) xét kết nạp Đảng và chuyển Đảng; (5) xét bầu chọn cán bộ Lớp - cán bộ Đoàn - Hội; (6) xét sinh viên 5 tốt; (7) xét cử nhân - kỹ sư ưu tú; (8) xét tuyển dụng tại Trường theo quy định hiện hành;

3. Xét điều kiện tập sự nghề nghiệp do Trường Khoa quyết định;

4. Điều kiện xét tốt nghiệp: Điểm trung bình chung toàn khóa phải ≥ 50 điểm;

a. Trường hợp sinh viên không đạt điểm rèn luyện đủ để xét tốt nghiệp: sinh viên phải tham gia bổ sung vào các hoạt động ngoại khóa do Trường, Khoa tổ chức (tối thiểu **03** hoạt động);

b. Kết quả rèn luyện toàn khóa được in vào bảng điểm tốt nghiệp.

c. Kết quả đánh giá rèn luyện năm học xuất sắc sẽ được Nhà trường xem xét khen thưởng.

BỘ QUY TẮC ỨNG XỬ CỦA SINH VIÊN

1. MỤC TIÊU VÀ NGUYÊN TẮC:

- Quy tắc ứng xử của sinh viên nhằm tạo lập môi trường học tập, nghiên cứu bình đẳng, công bằng, văn minh và hiệu quả. Từng sinh viên được tôn trọng, có quyền tự do ứng xử trên cơ sở tôn trọng pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà trường và của các cá nhân khác;

- Quy tắc ứng xử bao gồm những nguyên tắc cơ bản trong ứng xử của sinh viên trong phạm vi Nhà trường và trong một số quan hệ xã hội khác mà quy tắc này điều chỉnh;

- Quy tắc ứng xử và Quy chế học sinh, sinh viên là cơ sở pháp lý để sinh viên có thể thực hiện quyền cơ bản và chịu các trách nhiệm trong học tập, ứng xử tại trường và trong các quan hệ xã hội.

- Trong trường hợp sinh viên có những ứng xử đáng khen, Nhà trường áp dụng các quy định về khen thưởng để vinh danh và tặng thưởng;

- Trong trường hợp sinh viên có ứng xử không đúng quy tắc, Nhà trường áp dụng Quy chế học sinh, sinh viên để xử lý.

2. NỘI DUNG CỦA QUY TẮC:

2.1. Tạo lập môi trường văn minh và có chuẩn mực

2.2. Bảo vệ cơ sở vật chất và tài sản của Trường

2.3. Tôn trọng quyền tự do cá nhân

2.4. Tự do thể hiện quan điểm cá nhân trong khuôn khổ pháp luật

2.5. Sử dụng cơ sở dữ liệu điện tử

2.6. Ứng xử trong học thuật

2.7. Tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ

Sinh viên xem nội dung chi tiết tại Cổng thông tin sinh viên và thực hiện nghiêm túc Bộ quy tắc ứng xử của sinh viên TDTU.

PHẦN 8. HỌC BỔNG, KHEN THƯỞNG VÀ HỖ TRỢ SINH VIÊN NĂM HỌC 2022 - 2023

HỌC BỔNG

Sinh viên xem thông tin chi tiết nội dung học bổng trên Cổng thông tin sinh viên, bao gồm:

I. HỌC BỔNG TÂN SINH VIÊN

1. Học bổng Thủ khoa đầu vào;
2. Học bổng Tân sinh viên dành cho các tỉnh đã ký kết hợp tác với Trường;
3. Học bổng Tân sinh viên các Trường Trung học phổ thông hợp tác với Trường;
4. Học bổng chương trình đại học bằng tiếng Anh;
5. Học bổng dành cho ngành có chính sách thu hút;
6. Học bổng chương trình liên kết đào tạo quốc tế;
7. Học bổng khuyến khích dành cho Tân sinh viên có thành tích tiếng Anh đầu vào cao;
8. Học bổng lưu học sinh chương trình đại học bằng tiếng Việt;
9. Học bổng lưu học sinh chương trình đại học bằng tiếng Anh.

II. HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

Sinh viên đang học trình độ đại học tại Trường và thỏa tất cả điều kiện sẽ được Nhà trường xét, cấp học bổng khuyến khích học tập.

III. HỌC BỔNG KHÁC

1. Học bổng anh/chị em ruột học tại Trường;
2. Học bổng con, anh/chị em ruột của cán bộ công đoàn;
3. Học bổng sinh viên nội trú Ký túc xá.

IV. KHEN THƯỞNG

Những sinh viên đạt kết quả cao về kỹ năng tiếng Anh, tin học; đạt thành tích cao trên các lĩnh vực: nghiên cứu khoa học, các cuộc thi chuyên môn học thuật, hoạt động văn thể mỹ... được Nhà trường khen thưởng, tuyên dương.

V. HỖ TRỢ PHẦN CHÊNH LỆCH HỌC PHÍ

Sinh viên thuộc diện chính sách, hộ nghèo được quy định theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP, phần chênh lệch giữa mức học phí của Nhà trường với mức học phí được miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập của Nhà nước sẽ được Nhà trường hỗ trợ khi thỏa tất cả điều kiện.

VI. NHỮNG HỖ TRỢ KHÁC CHO NGƯỜI HỌC

Những hỗ trợ khác cho người học do bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh..., sẽ do Hiệu trưởng xem xét và quyết định theo từng năm dựa trên nguồn quỹ hỗ trợ người học của Trường.

PHẦN 9 - QUY ĐỊNH VỀ DẠY – HỌC TẠI TDTU

1. Sinh viên phải đọc kỹ, hiểu kỹ Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ; Quy định về đào tạo tiếng Anh và xét miễn các học phần tiếng Anh, tin học,...; Quy chế công tác sinh viên (về nhiệm vụ, quyền lợi, các hành vi nghiêm cấm sinh viên thực hiện); Quy chế đánh giá rèn luyện; các quy định, nội quy khác của Nhà Trường để đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ;
2. Sinh viên phải thường xuyên truy cập Cổng Thông tin sinh viên (CTTSV) và sơ đồ tích lũy thành quả học tập cá nhân để biết thông tin đầy đủ về đăng ký môn học, xây dựng kế hoạch học tập phù hợp; sinh viên phải kiểm tra các thông báo trên CTTSV, email... **hàng ngày** để kịp thời nắm bắt các thông tin cần thiết trong quá trình học tập tại TDTU.
3. Sinh viên phải tích cực tham gia phát biểu xây dựng bài giảng; cùng với giảng viên giải quyết các tình huống, vấn đề thực tế thông qua các hoạt động nhóm, đóng vai, trò chơi mô phỏng, chủ động tự học để đạt yêu cầu môn học tối ưu.
4. Sinh viên cần nắm rõ các thông tin yêu cầu của môn học về mục tiêu môn học, Đề cương chi tiết, lịch trình giảng dạy, các yêu cầu về đánh giá quá trình, các điều kiện để được tham gia đánh giá quá trình, cuối kì...
5. Sinh viên phải ôn bài, đọc tài liệu, chuẩn bị bài học mới trước khi đến lớp. Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ tất cả các yêu cầu của từng môn học và tuân thủ tuyệt đối sự hướng dẫn, giám sát của giảng viên. Đặc biệt, sinh viên phải hoàn thành bài tập được giao và bài tập trên Elearning trong quá trình học tập các môn học. Đây là phần yêu cầu cứng của trong đánh giá quá trình/hoặc điều kiện cứng để xét đủ điều kiện dự thi đánh giá môn học
6. Thực hiện nghiêm túc các quy định về chuyên cần, nhiệm vụ tự học tại Thư viện và phương pháp học bậc đại học. Sinh viên phải khai thác sử dụng nguồn tài liệu học tập trên thư viện một cách hiệu quả theo yêu cầu của môn học.
7. Sinh viên tham gia hoạt động đánh giá sự hài lòng về chất lượng tiếp thu bài học của sinh viên theo từng môn học, được thực hiện vào cuối mỗi học kỳ. Kết quả đánh giá là cơ sở để Trường cải tiến, điều chỉnh phương pháp giảng dạy phù hợp và đảm bảo chất lượng.
8. Sinh viên tham gia học tập trên nền tảng công nghệ số (*học trực tuyến*) theo quy định của Trường một cách nghiêm túc, chủ động, sáng tạo.
9. Sinh viên cần nắm rõ chức năng nhiệm vụ của các phòng ban để thuận tiện trong việc liên hệ giải đáp các vấn đề thắc mắc trong suốt quá trình học.

PHẦN 10- QUY ĐỊNH VỀ VIỆC CUNG CẤP THÔNG TIN CHO PHỤ HUYNH

1. Sau khi hoàn tất thủ tục nhập học, sinh viên đăng nhập vào Cổng thông tin sinh viên để kiểm tra và điều chỉnh thông tin cá nhân. Thông tin này sẽ phục vụ in bằng, in các loại chứng chỉ, gửi thông tin cho phụ huynh; **Sinh viên chịu trách nhiệm về tính chính xác thông tin.**
2. Nhà trường triển khai các thông báo, các kế hoạch liên quan đến đào tạo, học vụ, học phí,... trên **cổng thông tin sinh viên**. Sinh viên có trách nhiệm theo dõi thường xuyên ít nhất 1 lần/ngày để nắm thông tin và thực hiện theo đúng thông báo; đồng thời có trách nhiệm thông tin chính xác lại cho phụ huynh thông tin liên quan đến học phí, thời gian đóng học phí và các vấn đề khác liên quan phụ huynh (nếu có).
3. Định kỳ vào đầu học kỳ một, Phòng Công tác học sinh – sinh viên thông báo sinh viên kiểm tra thông tin và điều chỉnh. Nếu có sự thay đổi về thông tin nhân thân, sinh viên liên hệ Phòng Công tác học sinh - sinh viên và mang theo minh chứng để được hỗ trợ. Sinh viên khai báo sai thông tin sẽ bị xử lý theo Quy chế công tác sinh viên.
4. Trường cập nhật thông tin về kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên gửi tin nhắn cho Phụ huynh sau mỗi học kỳ. Các thông tin cung cấp cho phụ huynh gồm có:
 - Điểm trung bình học kỳ;
 - Tình hình chuyên cần, số môn học không đủ điều kiện dự thi;
 - Điểm rèn luyện;
 - Kết quả cảnh báo học vụ, xử lý học vụ (những sinh viên có kết quả học tập yếu kém sẽ bị cảnh báo hoặc xử lý học vụ);
 - Kết quả nợ môn của sinh viên trễ tiến độ; xử lý quá hạn đào tạo;
 - Kết quả nội dung vi phạm và hình thức xử lý.
5. Phụ huynh cần phối hợp với Nhà Trường trong công tác giáo dục sinh viên.

Các Khoa quản lý sinh viên (gọi tắt Khoa) có trách nhiệm trao đổi và tư vấn cho Phụ huynh về tình hình học tập, kỷ luật của sinh viên; về kết quả xử lý học vụ (nếu có).
6. Trường hợp Sinh viên bị xử lý học vụ, xử lý quá hạn đào tạo...mà Phụ huynh không liên hệ với Khoa trong thời gian nhận phản hồi, Khoa sẽ gửi thư thông báo về cho Phụ huynh một lần nữa. Sau thời gian này, Trường sẽ ra quyết định xử lý học vụ theo quy định.
7. Sinh viên, phụ huynh đồng ý để Nhà trường cung cấp thông tin về tình hình học tập, rèn luyện, Nội dung vi phạm và hình thức xử lý cho phụ huynh theo từng học kỳ.

Trường hợp sinh viên, phụ huynh không đồng ý nhận thông tin từ Trường, sinh viên phụ huynh xác nhận về việc không đồng ý này và Phụ huynh sẽ không nhận được tin nhắn kết quả học tập từ Trường.

GIẤY XÁC NHẬN

Việc tìm hiểu thông tin “Những điều cần biết khi học tại TDTU”

- Tôi tên là:..... Ngày sinh:
- Mã số sinh viên:.....
- CMND/CCCD:
- Số điện thoại SV :..... Số điện thoại phụ huynh:.....
- Tôi đã đủ điều kiện trúng tuyển và nhập học vào Trường:
- Ngành: Chương trình:

Tôi xác nhận đã đọc và tìm hiểu thông tin “Những điều cần biết khi học tại TDTU” trước khi nhập học tại Trường, cụ thể:

1. Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra (Tiếng Anh, Tin học,...) của ngành nhập học;
2. Hướng dẫn học bổng, khen thưởng và hỗ trợ sinh viên năm học 2022-2023
3. Chính sách học phí của Trường;
4. Quy chế đào tạo trình độ đại học;
5. Quy chế công tác sinh viên;
6. Quy chế về dạy và học tại TDTU;
7. Chương trình giáo dục 03 nội dung đạo đức; Bộ quy tắc ứng xử của sinh viên; 05 đặc điểm nhận diện sinh viên Đại học Tôn Đức Thắng;
8. Trách nhiệm theo dõi thông tin, thông báo của Trường: Nhà trường triển khai các thông báo, kế hoạch liên quan đến học vụ, học phí,... trên cổng thông tin sinh viên. Sinh viên có trách nhiệm theo dõi thường xuyên ít nhất 1 lần/ngày để nắm thông tin và thực hiện theo đúng thông báo. Nhà trường không giải quyết các trường hợp sinh viên không thực hiện đúng thông báo;
9. Quy định về việc cung cấp thông tin cho phụ huynh: Đồng ý để Nhà trường gửi thông tin kết quả học tập, rèn luyện, kỷ luật cho phụ huynh thông qua số điện thoại mà sinh viên cung cấp trên hệ thống thông tin sinh viên và chịu trách nhiệm cung cấp thông tin sinh viên đúng cho Nhà trường. Khi có sự thay đổi thông tin sinh viên, tôi sẽ chủ động liên hệ Phòng Công tác học sinh - sinh viên để cập nhật.

Tôi cam kết thực hiện đúng các nội dung như trên trong quá trình học tập tại trường./.

Xác nhận của phụ huynh
(Ký và ghi rõ họ tên)

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022
Sinh viên
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH THẠC SĨ 4+1 DÀNH CHO SINH VIÊN TRƯỜNG

Với phương châm đào tạo và cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực có trình độ cao, chất lượng cao góp phần xây dựng và phát triển đất nước, Trường Đại học Tôn Đức Thắng trong nhiều năm qua đã không ngừng cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo để phù hợp với xu thế phát triển trên thế giới, liên tục cập nhật những kiến thức mới vào bài giảng với mục đích giúp người học dễ dàng tiếp xúc với công việc thực tế và tự tin khi đảm nhận những vị trí quan trọng trong xã hội. Hiện nay, Trường Đại học Tôn Đức Thắng đang triển khai 18 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 06 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, thông tin chi tiết các ngành như sau:

Bảng 1: Tên 18 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	8140111
2.	Mỹ thuật ứng dụng	8210410
3.	Quản trị kinh doanh	8340101
4.	Tài chính – Ngân hàng	8340201
5.	Kế toán	8340301
6.	Toán ứng dụng	8460112
7.	Kỹ thuật hóa học	8520301
8.	Kỹ thuật môi trường	8520320
9.	Kỹ thuật xây dựng	8580201
10.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	8580205
11.	Bảo hộ lao động	8900103
12.	Xã hội học	8310301
13.	Luật kinh tế	8380107
14.	Khoa học máy tính	8480101
15.	Kỹ thuật điện	8520201
16.	Kỹ thuật viễn thông	8520208
17.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	8520216
18.	Quản lý thể dục thể thao	8810301

Bảng 2: Tên 06 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Quản trị kinh doanh	9340101
2.	Kế toán	9340301
3.	Khoa học tính toán	9460107
4.	Khoa học máy tính	9480101
5.	Kỹ thuật điện	9520201
6.	Kỹ thuật xây dựng	9580201

Nhằm đáp ứng nhu cầu nâng cao chuyên môn của người học và rút ngắn thời gian học tập so với tổng thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ. Nhà trường cho phép sinh viên trình độ đại học của Trường đăng ký học và tích lũy một số học phần của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ. Cụ thể đối tượng và điều kiện tham gia như sau:

Đối tượng tham gia: Sinh viên trình độ đại học đang học tại Trường từ năm 3 trở đi (so với năm tuyển sinh).

Điều kiện tham gia:

- Sinh viên tích lũy tối thiểu **70 tín chỉ** trong chương trình đào tạo trình độ đại học có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy **xếp loại khá trở lên** tại thời điểm ghi danh tham gia;

- Ngành đào tạo trình độ đại học phải là ngành nằm trong danh mục ngành phù hợp với ngành đào tạo trình độ thạc sĩ; nếu ngành đào tạo trình độ đại học không nằm trong danh mục ngành phù hợp với ngành đào tạo trình độ thạc sĩ phải được Khoa quản lý ngành đào tạo trình độ thạc sĩ tư vấn và đồng ý;

- Sinh viên được đăng ký học và tích lũy **tối đa 15 tín chỉ** của chương trình đào tạo thạc sĩ; riêng sinh viên thuộc chương trình đào tạo **chuyên sâu đặc thù** được đăng ký học và tích lũy **tối đa 30 tín chỉ** của chương trình đào tạo thạc sĩ.

Nhà trường có chính sách học bổng dành cho sinh viên đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ (<https://grad.tdtu.edu.vn/index.php/hoc-phi-hoc-bong/hoc-bong-chuong-trinh-4-1>). Đồng thời, sinh viên được chuyển điểm các học phần đã tích lũy ở chương trình thạc sĩ xuống chương trình đại học nếu các học phần nằm trong danh mục học phần – môn học tương đương.

Mọi thông tin sinh viên vui lòng liên hệ Phòng Sau đại học để được tư vấn. Thông tin liên hệ tại đây: <https://grad.tdtu.edu.vn/lien-he>.